

# TẬP BẢN ĐỒ

## BÀI TẬP VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ

9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn "Tập bản đồ bài tập và bài thực hành Địa lí 9". Qua thực tế giảng dạy và học tập, tài liệu này đã góp phần vào việc đổi mới phương pháp dạy học, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập môn Địa lí.

Kết thừa những kết quả đã đạt được, dựa vào chương trình và sách giáo khoa mới, Công ty tiếp tục giới thiệu với các thầy, cô giáo và các em học sinh cuốn "Tập bản đồ bài tập và bài thực hành Địa lí 9" này.

Nội dung cuốn "Tập bản đồ bài tập và bài thực hành Địa lí 9" được sắp xếp theo trình tự của SGK Địa lí 9. Các câu hỏi, bài tập đều được cẩn nhắc, lựa chọn. Thông qua quan sát, phân tích và làm việc với bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ... học sinh sẽ có điều kiện nắm chắc kiến thức, kỹ năng của bài học.

Tập bản đồ bài tập và bài thực hành này còn tạo điều kiện giúp giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, hướng dẫn học sinh học tập có chất lượng, cũng như có thể dùng để ôn bài cũ, cùng cố bài mới, rèn luyện kỹ năng thực hành và kiểm tra bài.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các em học sinh để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Các tác giả

DỖ THỊ MINH ĐỨC - NGUYỄN QUÝ THAO

PHẠM THỊ SEN - THÀNH NGỌC LINH

# TẬP BẢN ĐỒ

## BÀI TẬP VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ 9

(Tập bản lề thứ sáu có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# KÍ HIỆU CHUNG

## CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN

	Điểm độ cao (m)		Than đá		Mangan		Apatit
	Hang, động		Than nâu		Ti tan		Graphit
	Rừng rụng lá (rừng khộp)		Dầu mỏ		Đồng		Đá quý
	Rừng nhiệt đới ẩm		Khí dột		Thiếc		Đá vôi xi măng
	Bãi tắm		Sắt		Boxit		Sét, cao lanh
	Bãi cá		Crôm		Chì - kẽm		Cát thuỷ tinh
	Bãi tôm		Vàng		Nước khoáng		Nước khoáng

## CÁC YẾU TỐ KINH TẾ

### CÔNG NGHIỆP

Khai thác khoáng sản		Trung tâm công nghiệp	Các ngành công nghiệp		
	Than đá		Lớn		Nhiệt điện
	Than nâu		Vừa		Thủy điện
	Dầu mỏ		Nhỏ		Luyện kim đen
	Khí dột				Luyện kim màu
	Sắt				Điện tử
	Crôm				Cơ khí
	Mangan				Sản xuất ôtô
	Titan				Đóng tàu biển

## NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

	Lúa		Cây ăn quả		Cà phê		Trâu, bò		Vườn quốc gia
	Mía		Chè		Cao su		Lợn		Danh bánh hải sản

## CÁC YẾU TỐ KHÁC

	CAMPUCHIA	Tên nước		Thị xã		Cảng
	BẮC TRUNG BỘ	Tên vùng		Điểm dân cư		Cửa khẩu
	HÀ NỘI	Thủ đô		Đường sắt		Điểm du lịch
	CĂN ĐIỂU	Thành phố trực thuộc trung ương		Đường ôtô, số đường		Biên giới quốc gia
	CAO HẢNG	Tên tỉnh		Sân bay quốc tế, trong nước		Ranh giới vùng
	VĨNH	Thành phố				Địa giới tỉnh

## 1. Đánh dấu ✕ vào ô trong ý em cho là đúng.

*Nước ta có:*

- |            |            |
|------------|------------|
| 52 dân tộc | 54 dân tộc |
| 53 dân tộc | 55 dân tộc |

*Dân tộc Việt chiếm khoang:*

- |                    |                    |
|--------------------|--------------------|
| 85% dân số cả nước | 87% dân số cả nước |
| 86% dân số cả nước | 88% dân số cả nước |

*Các dân tộc sống chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:*

- |                                   |                        |
|-----------------------------------|------------------------|
| Bana, Êde, Giarai, Cơ Ho, Mường   | Cham, Hoa, Khome, Việt |
| Mường, Thái, Tay, Nùng, Mông, Dao |                        |

*Cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ có các dân tộc:*

- |                      |                  |
|----------------------|------------------|
| Cham, Hoa, Khome     | Mường, Tay, Nùng |
| Cơ Ho, Mường, Giarai |                  |

## 2. Đánh dấu ✕ vào ô trong ý em cho là đúng nhất.

*Dân tộc Việt phân bố chủ yếu ở:*

- |   |                           |
|---|---------------------------|
| Các đồng bằng và duyên hải                | Các đồng bằng và trung du |
| Các đồng bằng, trung du và vùng duyên hải |                           |

## 3. Bạn sẽ văn hóa của mỗi dân tộc theo bài ở những mặt nào? Hãy trình bày một số nét văn hóa của bạn của dân tộc em.

- Để trả lời câu hỏi này, em cần tìm hiểu về văn hóa của dân tộc mình. Em có thể tham khảo sách vở, tài liệu, hoặc hỏi ý kiến của người già trong gia đình, người có kiến thức về văn hóa dân tộc. Sau đó, em sẽ trình bày một số nét văn hóa của dân tộc mình.
- Văn hóa của dân tộc em bao gồm:
- Tên gọi:** Dân tộc em có tên là... (nêu tên)
  - Ngôn ngữ:** Dân tộc em nói tiếng... (nêu ngôn ngữ)
  - Trí tuệ:** Dân tộc em có trí tuệ đặc biệt, như... (nêu trí tuệ)
  - Thực phẩm:** Dân tộc em thường ăn... (nêu thực phẩm)
  - Trò chơi:** Dân tộc em thường chơi... (nêu trò chơi)
  - Trang phục:** Dân tộc em thường mặc... (nêu trang phục)
  - Đời sống:** Dân tộc em có đời sống đặc biệt, như... (nêu đời sống)
  - Điều đặc biệt:** Dân tộc em có điều đặc biệt là...

## BÀI 2. DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Đánh dấu  $\times$  vào ô trống ý em cho là đúng.

Tính đến năm 2009, nước ta có số dân là:

- |                  |                                     |                  |
|------------------|-------------------------------------|------------------|
| 85.2 triệu người | <input type="checkbox"/>            | 85.8 triệu người |
| 85.5 triệu người | <input checked="" type="checkbox"/> | 86.2 triệu người |

2. Điền tiếp nội dung vào chỗ chấm ( . ):

Nước ta có số dân đứng thứ ..... ở Đông Nam Á và thứ ..... trên thế giới. Điều đó chứng tỏ nước ta là nước .....

3. Trình bày tình hình gia tăng dân số ở nước ta. Giải thích vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh?

4. Trình bày hậu quả của việc dân số đông và gia tăng dân số nhanh ở nước ta.

5. Dựa vào bảng 2.2 trong SGK, em hãy nêu nhận xét về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính ở nước ta.

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

MẶT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2009 (người/km<sup>2</sup>)

Quốc gia	Mật độ dân số	Quốc gia	Mật độ dân số
Toàn thế giới	50	Philippines	307
Brunay	66	Thái Lan	132
Campuchia	82	Trung Quốc	139
Lào	27	Nhật Bản	338
Indônêxia	128	Hoa Kỳ	32
Malaixia	86	Viet Nam	260

Em hãy nhận xét về mật độ dân số nước ta

2. Quan sát Lược đồ Dân cư Việt Nam năm 1999 ở trang sau và kết hợp với hình 3.1 trong SGK, em hãy:

Nêu nhận xét về sự phân bố dân cư

Giải thích vì sao có những nơi đông dân và nơi thưa dân

Điền tiếp nội dung vào chỗ chấm (...) ở câu sau:

Các đô thị ở nước ta phần lớn có quy mô

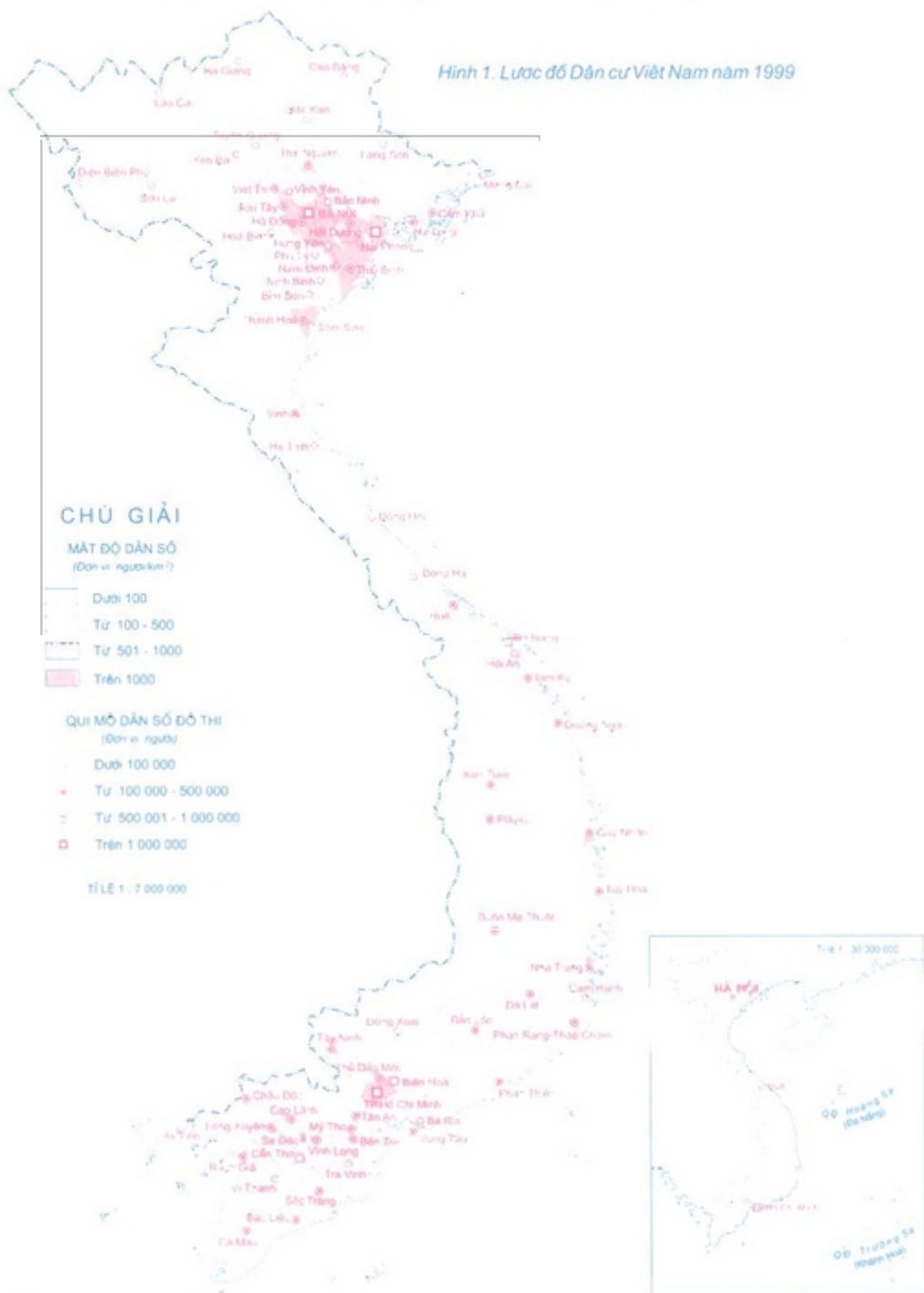
phân bố tập trung ở ... và

... Quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra với tốc độ ngày càng

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa ở nước ta còn

### Bài 3. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẢN CỤ (tiếp theo)

Hình 1. Lược đồ Dân cư Việt Nam năm 1999



1. Điền tiếp nội dung vào chỗ chấm (...):

Nước ta có nguồn lao động ... và ...  
Người lao động Việt Nam có nhiều ... trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp,  
thu công nghiệp; có ... tiếp thu khoa học kĩ thuật,  
nguồn lao động đang được ...  
... Tuy nhiên, người lao động nước ta còn hạn chế về ... và ...

2. Nêu ý ở ô bên trái với ý ở ô bên phải sao cho phù hợp và hoàn chỉnh:

Lao động thành thị	21,2%
Lao động nông thôn	24,2%
Lao động đã qua đào tạo	75,8%
Lao động chưa qua đào tạo	78,8%

3. Dựa vào hình 4.2 trong SGK, hãy nêu nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó.

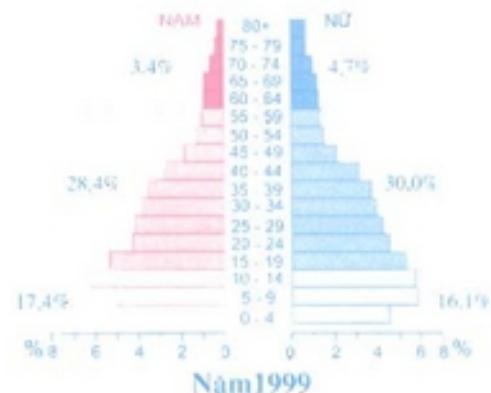
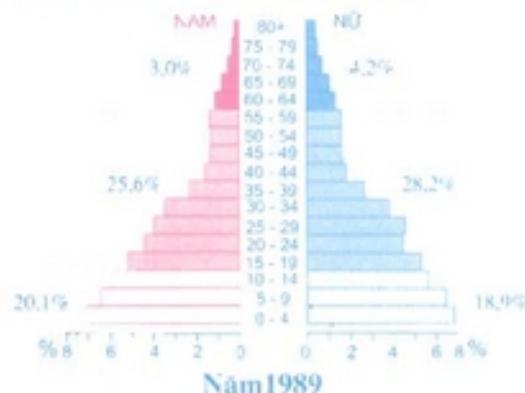
Nhận xét: ...

Giai thích: ...

4. Nêu một số thành tựu về nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nước ta.

## Bài 5. THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ NĂM 1999

### 1. Quan sát kĩ hai tháp dân dưới đây:



- ❖ Em hãy hoàn thành bảng sau:

	Năm 1989	Năm 1999
Hình dạng của tháp		
Cơ cấu dân số theo độ tuổi		
Từ 0 đến 14 tuổi		
Từ 15 đến 59 tuổi		
Từ 60 tuổi trở lên		
Tỉ lệ dân số phụ thuộc		

- ❖ Nếu nhận xét về sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta. Giải thích nguyên nhân.
  - Nhận xét

- Giải thích

2. Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế-xã hội? Cần có những biện pháp gì để khắc phục các khó khăn này?

- ❖ Thuận lợi

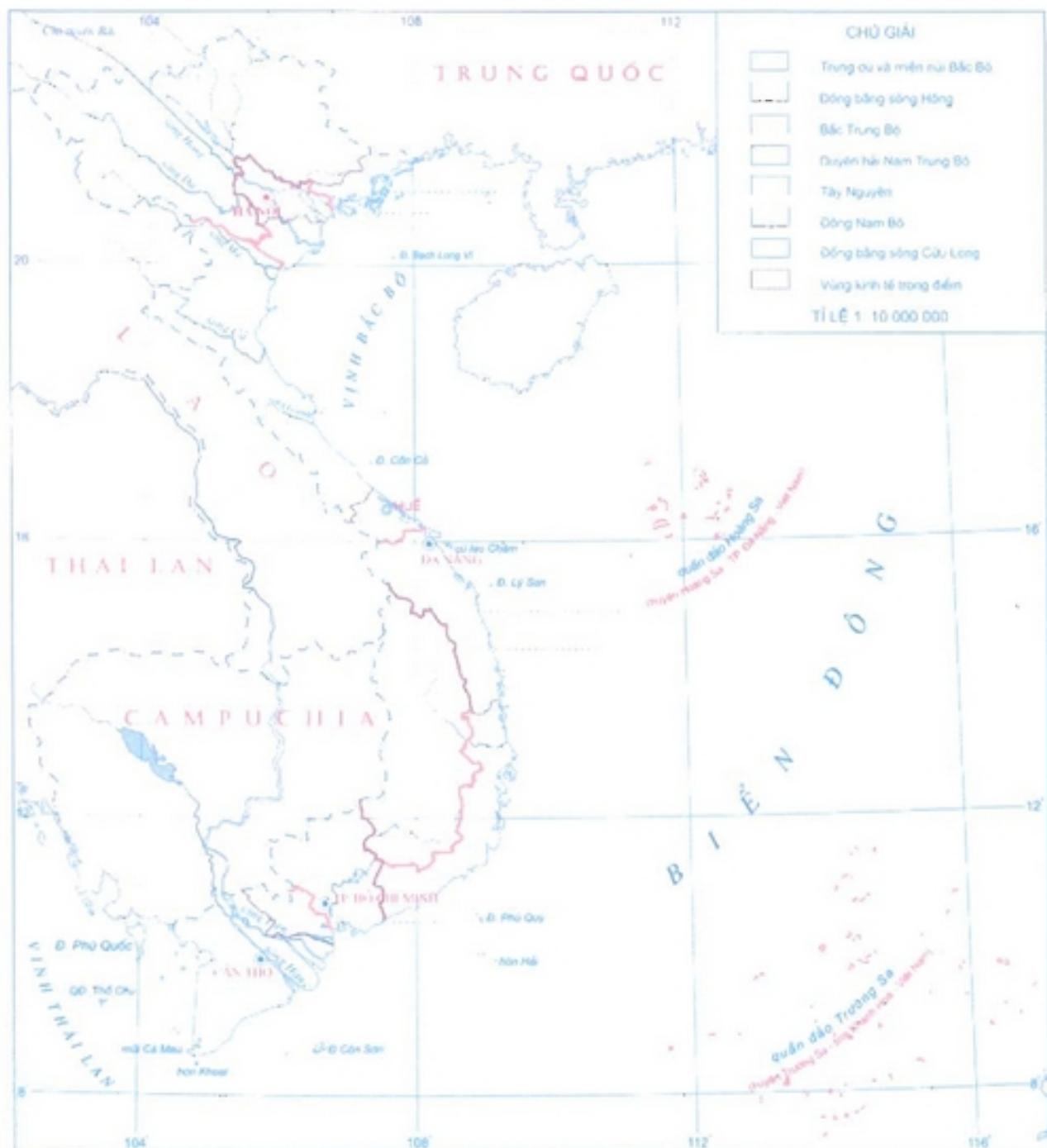
- ❖ Khó khăn

- ❖ Biện pháp

## Bài 6. SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

1. Dựa vào lược đồ 6.2 trong SGK và đối chiếu với lược đồ dưới đây, em hãy:

- ❖ Tô màu vào chủ giải và lược đồ để thấy rõ các vùng kinh tế của nước ta.
- ❖ Trải nét lên lược đồ vừa tô để thể hiện ba vùng kinh tế trọng điểm.
- ❖ Dựa vào lược đồ đã tô màu, điền tên và đánh số (I, II, III) các vùng kinh tế trọng điểm lên lược đồ.



Hình 2: Lược đồ Các vùng kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm

2. Hãy xếp các tỉnh sau đây vào các vùng kinh tế trọng điểm tương ứng:

- I - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
- II - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung
- III - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Tỉnh (thành phố)	Vùng kinh tế trọng điểm	Tỉnh (thành phố)	Vùng kinh tế trọng điểm	Tỉnh (thành phố)	Vùng kinh tế trọng điểm
Bà Rịa - Vũng Tàu		Hà Nội		Quảng Ninh	
Bắc Ninh		Hai Phòng		Tây Ninh	
Bình Dương		Hải Dương		Thừa Thiên - Huế	
Bình Định		Hưng Yên		TP. Hồ Chí Minh	
Bình Phước		Long An		Vĩnh Phúc	
Đà Nẵng		Quảng Nam		Tiền Giang	
Đồng Nai		Quảng Ngãi			

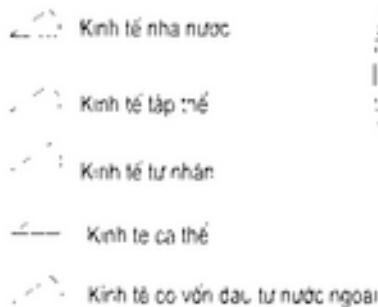
3. Dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy kể ra các thành tựu và thách thức của công cuộc Đổi mới trong quá trình phát triển.

Các thành tựu

Các thách thức

1. Tăng trưởng kinh tế	2. Xã hội hóa giá trị
3. Phát triển nông nghiệp	4. Phát triển công nghiệp
5. Phát triển giao thông	6. Phát triển văn hóa
7. Phát triển du lịch	8. Phát triển khoa học
9. Phát triển giáo dục	10. Phát triển y tế

4. Dựa vào số liệu bảng 6.1 trong SGK, em hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế năm 2002.

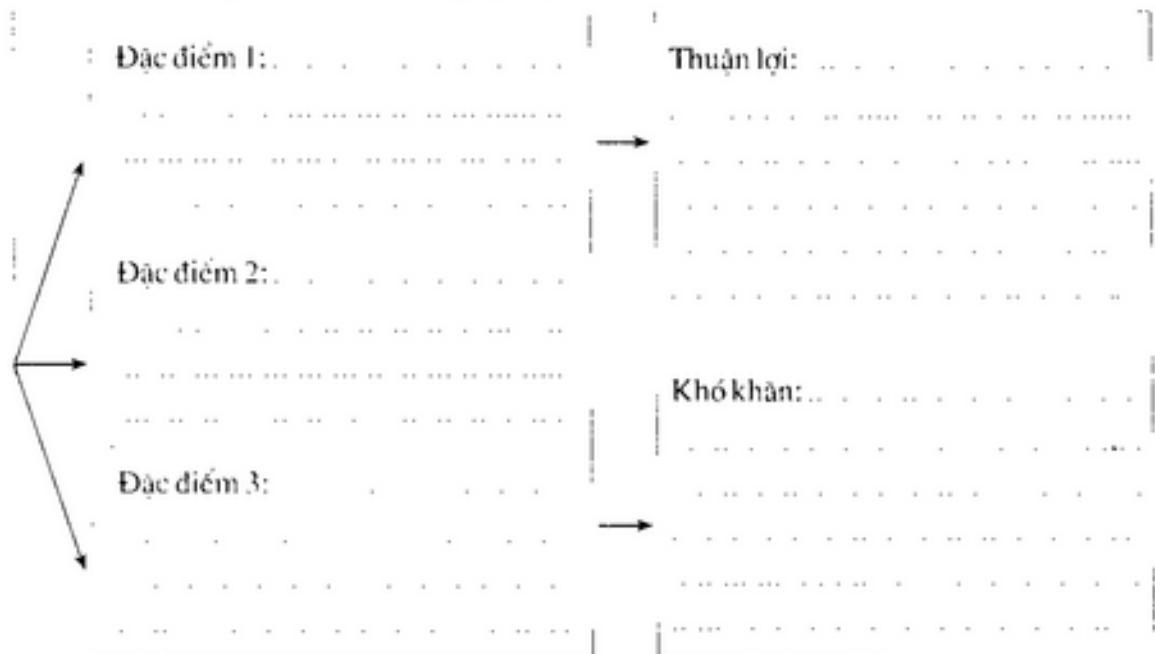


1. Hãy ghép đôi các thông tin ở cột bên trái với các thông tin ở hai cột bên phải thể hiện mối quan hệ giữa tài nguyên đất và sự phát triển nông nghiệp.

- |   |  |
|---|--|
| a. Phân bố tập trung ở các đồng bằng      | c. Thích hợp với việc trồng cây lâu năm                        |
| b. Phân bố tập trung ở trung du, miền núi | d. Thích hợp nhất với cây lúa nước và nhiều loại cây ngắn ngày |



2. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy điền vào sơ đồ sau những kiến thức về tài nguyên khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.



3. Đánh dấu X vào ô trống các ý em cho là đúng.

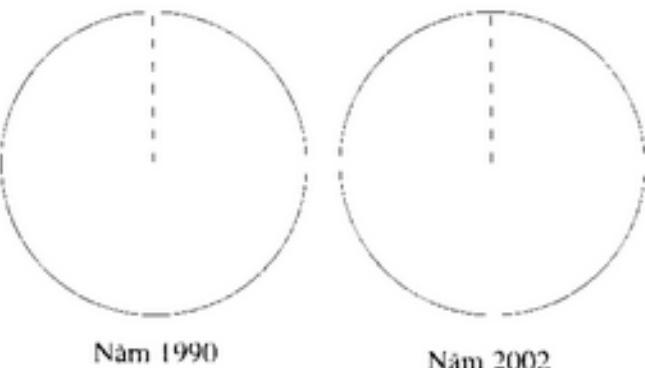
**Tại sao thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu trong thăm canh nông nghiệp ở nước ta:**

- Chống úng lụt trong mùa mưa bão và cung cấp nước tưới trong thời kỳ khô hạn
- Chủ động về nước sẽ mở rộng diện tích canh tác
- Chủ động về nước sẽ tăng vụ gieo trồng, tăng năng suất
- Thủy lợi chỉ được áp dụng ở đồng bằng

4. Một số chính sách động viên nông dân vươn lên làm giàu, thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, đó là:

## HÌNH 8.1 ĐỒ ĐỒNG HỌC VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

1. Dựa vào số liệu ở bảng 8.1 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt qua hai năm 1990 và năm 2002.



- Cây lương thực
- Cây công nghiệp
- Cây ăn quả và rau đậu

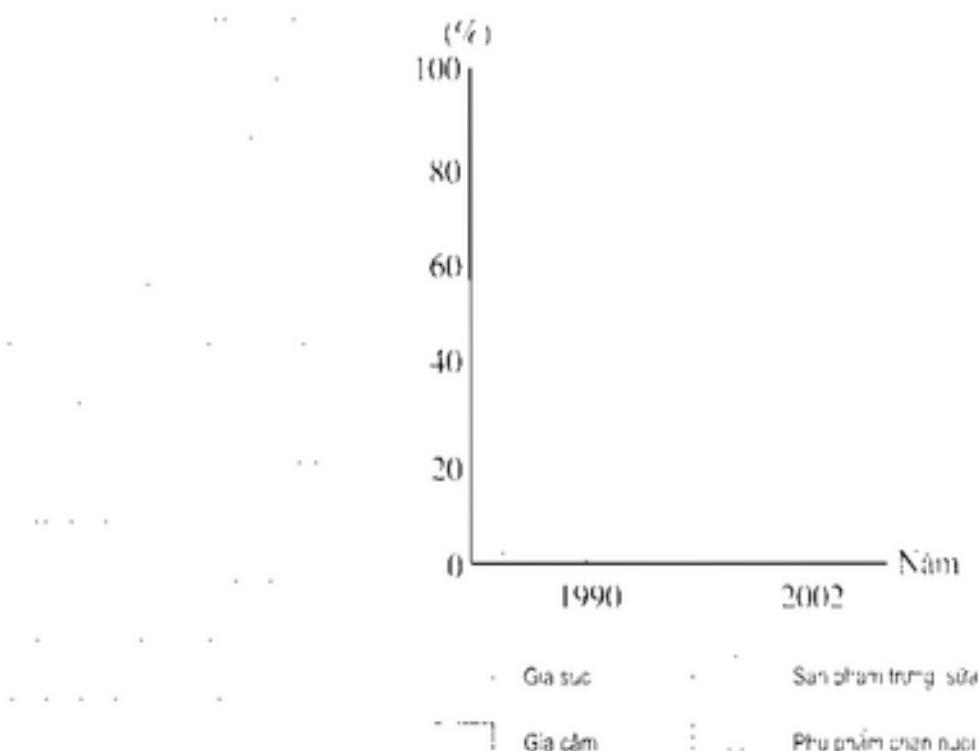
2. Dựa vào lược đồ hình 8.2, bảng 8.3 trong SGK và kiến thức đã học, em hãy điền nội dung thích hợp vào bảng sau:

Cây trồng, vật nuôi	Nơi phân bố		

3. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy giải thích tại sao các vùng trồng lúa tập trung chủ yếu ở các đồng bằng: .....

4. Giải thích vì sao lợn và gia cầm được nuôi nhiều nhất ở đồng bằng:

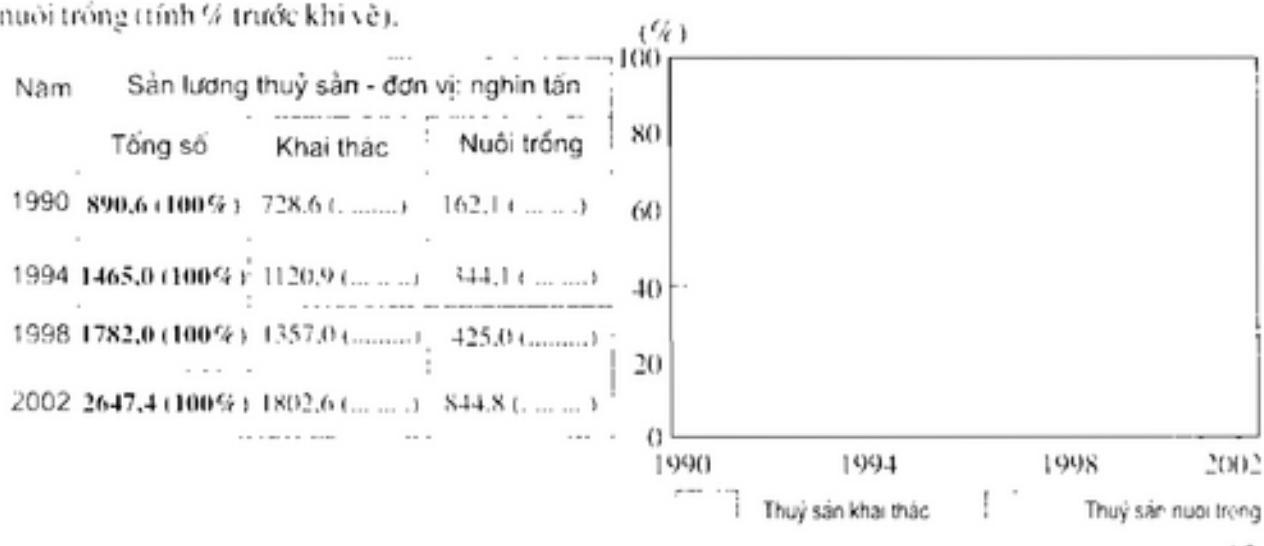
5. Dựa vào bảng 8.4 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 1990 và năm 2002.

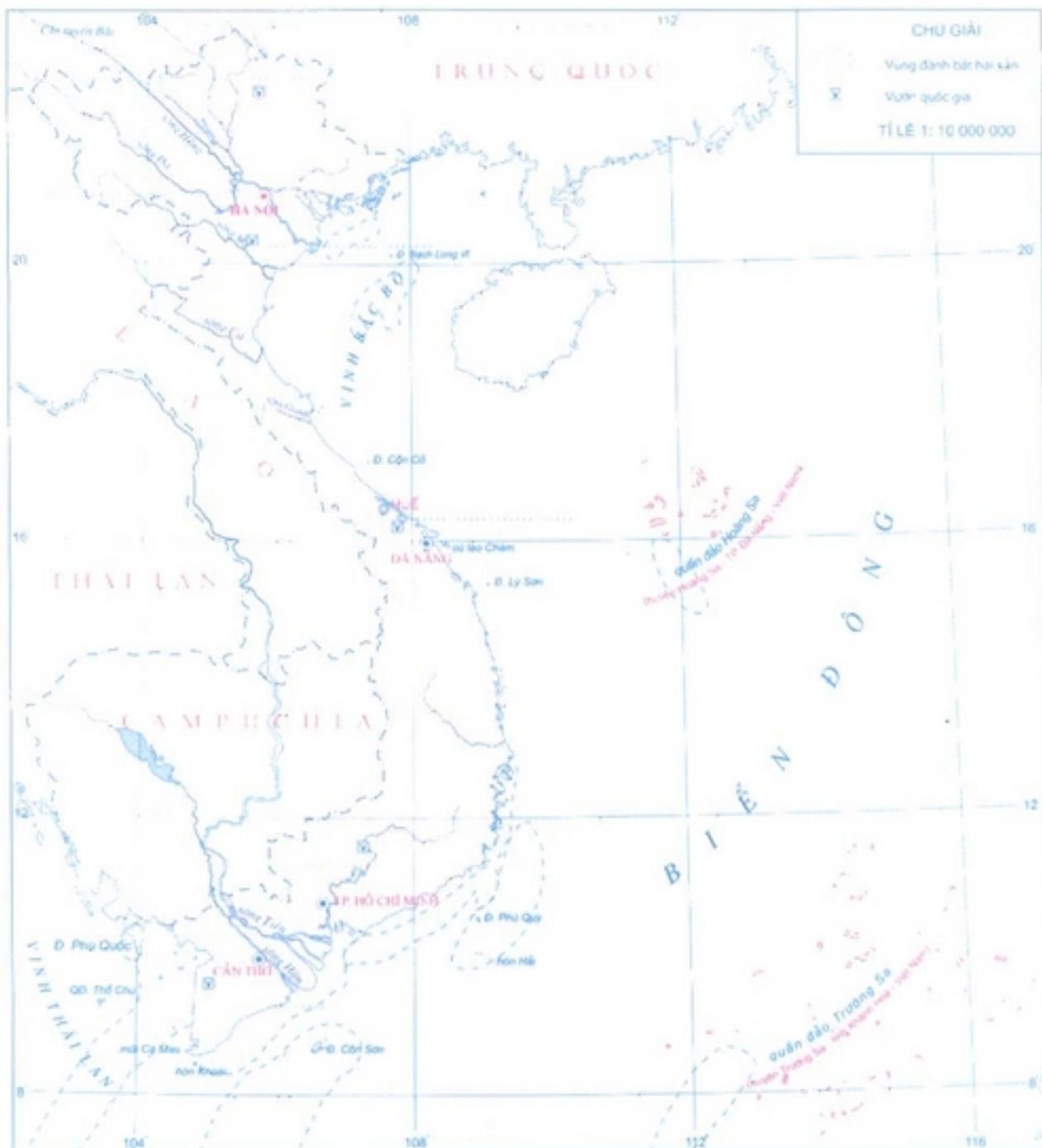


### Bài 9. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÀM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Dựa vào nội dung SGK, Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở lược đồ hình 3 trang 14 tên các vườn quốc gia: Cúc Phương (Ninh Bình), Ba Vì (Hà Nội), Ba Bể (Bắc Kạn), Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế), Cát Tiên (Đồng Nai), U Minh Thượng (Kiên Giang).

2. Dựa vào số liệu ở bảng dưới đây, em hãy vẽ biểu đồ miến thể hiện sản lượng thuỷ sản khai thác và nuôi trồng (tính % trước khi vẽ).





Hình 3: Lược đồ Một số vườn quốc gia và các ngư trường trọng điểm

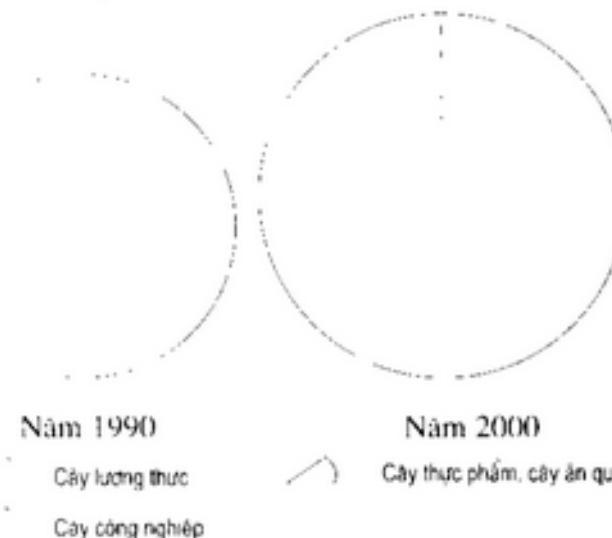
3. Dựa vào hình 9.2 trong SGK, hãy tô màu vào chủ giải và lược đồ trên để thấy rõ các ngư trường trọng điểm: Cà Mau - Kiên Giang, Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu; Hải Phòng - Quảng Ninh; quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

## Bài 10. THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRONG PHÂN THEO CÁC LOẠI CÁY. SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA Súc. GIA CẨM

1. Dựa vào số liệu ở bảng 10.1 trong SGK, em hãy tính tỉ lệ (%) gieo trồng các nhóm cây và điền vào bảng bên.

2. Dựa vào số liệu đã tính, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây.

Các nhóm cây	Năm 1990 (100%)	Năm 2002 (100%)
Tổng số		
Cây lương thực		
Cây công nghiệp		
Cây thực phẩm, cây ăn quả		

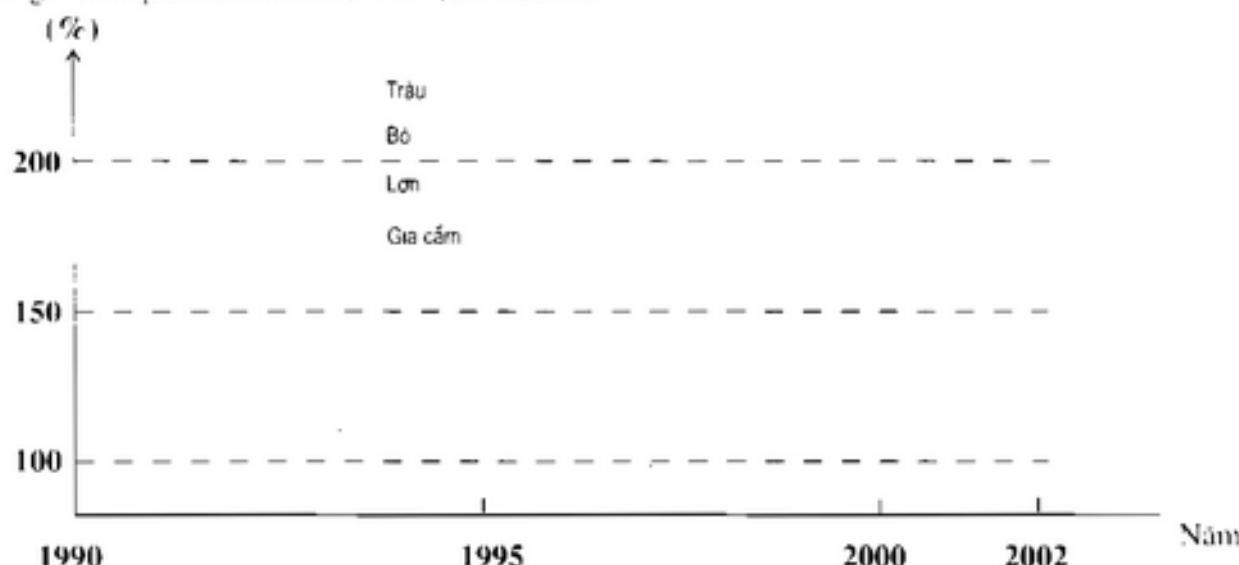


3. Dựa trên bảng số liệu đã tính, hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là sai:

*Sự thay đổi độ lớn (quy mô) diện tích là do:*

- Diện tích các nhóm cây đều tăng
- Diện tích cây lương thực tăng nhanh nhất
- Diện tích cây công nghiệp tăng nhanh nhất
- Diện tích cây lương thực tăng chậm hơn các nhóm cây khác.

4. Dựa vào số liệu trong bảng 10.2 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ đường biểu diễn tốc độ tăng đàn gia súc, gia cầm qua các năm 1990, 1995, 2000, 2002.



5. Hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là sai.

*Đàn lợn tăng nhanh là do:*

- Cơ sở thức ăn cho lợn được đảm bảo
- Lợn chỉ nuôi tập trung ở các trang trại
- Lợn là nguồn thực phẩm quan trọng
- Có nhiều hình thức chăn nuôi đa dạng.

6. Hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là sai.

*Đàn trâu không tăng là do:*

- Trâu nuôi chủ yếu lấy sức kéo
- Việc sử dụng máy trong nông nghiệp tăng
- Thiếu thức ăn cho trâu
- Nuôi bò hiệu quả hơn.

## Bài 11. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

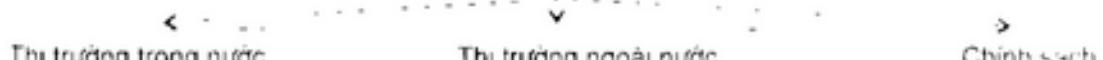
1. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy hoàn chỉnh sơ đồ các yếu tố sau vào của phát triển và phân bố công nghiệp.

### CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP



2. Dựa vào nội dung SGK và các kiến thức đã học, em hãy hoàn chỉnh sơ đồ các yếu tố đầu ra của phát triển và phân bố công nghiệp.

### CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP



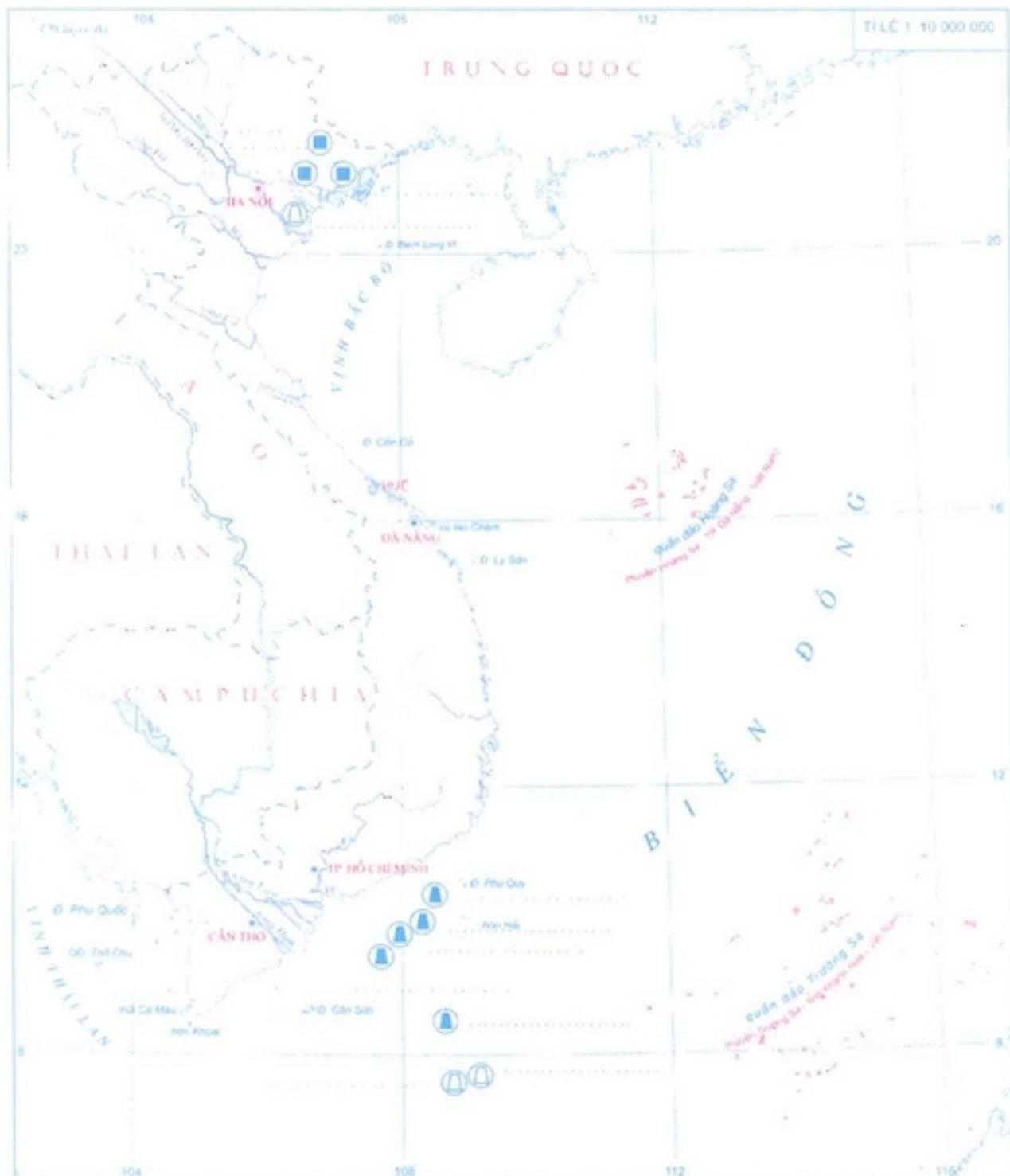
3. Em hãy hoàn chỉnh đoạn viết sau đây:

Khoảng sản tập trung nhiều nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, ở đây phân bố một số khu  
khoảng sản với trữ lượng lớn như:

Điều này đã tạo nên thế mạnh nổi bật của vùng là:

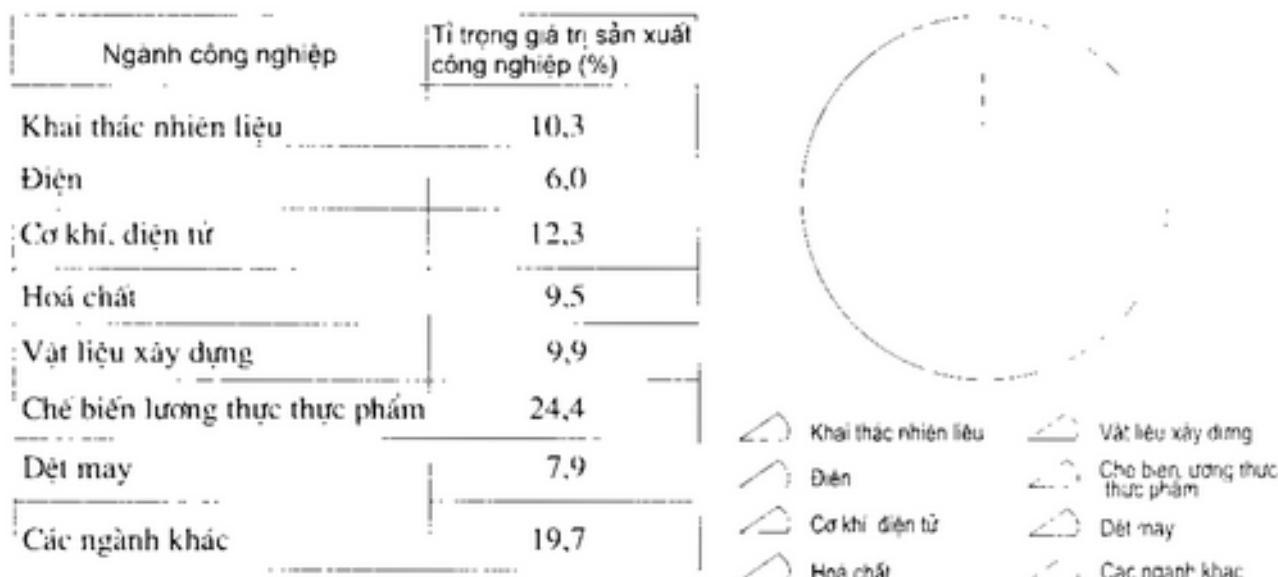
## Bài 12. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

1. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, hãy điền vào chỗ chấm (...) ở lược đồ sau tên các mỏ than, dầu mỏ và khí tự nhiên đang được khai thác.



Hình 4: Lược đồ Công nghiệp khai thác nhiên liệu

2. Dựa vào bảng số liệu cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 dưới đây, em hãy vẽ biểu đồ hình tròn để thể hiện rõ cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.



3. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, hãy kể tên một số trung tâm công nghiệp tiêu biểu của hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất cả nước.

Khu vực tập trung công nghiệp	Các trung tâm công nghiệp tiêu biểu
DÔNG NAM BỘ	...
DÔNG BẮC SÔNG HỒNG	...

### Bài 13. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

1. Dựa vào số liệu của biểu đồ hình 13.1 trong SGK, em hãy tính và điền vào chỗ chấm (...) của bảng dưới đây tỉ trọng của các nhóm dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất và dịch vụ công cộng.

Nhóm dịch vụ	Tỉ trọng (%)
DỊCH VỤ TIÊU DỤNG	...
DỊCH VỤ SẢN XUẤT	...
DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	...

> Hãy đưa ra nhận xét của mình dựa vào tỉ trọng các nhóm dịch vụ viễn thông:

Trong tổng số 100% :	Điện thoại cố định	Điện thoại di động	Internet	Điện toán đám mây	Điện toán giao thức	Điện toán di động	Điện toán có dây

2. Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu các hoạt động dịch vụ có ở hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước ta.

Thành phố	Các hoạt động dịch vụ

3. Tại sao các hoạt động dịch vụ lại phát triển ở các thành phố lớn:

Trong tổng số 100% :	Điện thoại cố định	Điện thoại di động	Internet	Điện toán đám mây	Điện toán giao thức	Điện toán di động	Điện toán có dây

## Bài 14. GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

1. Hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng:

*Đường số 6 là đường:*

Hà Nội - Lạng Sơn

Hà Nội - Sơn La

Hà Nội - Cao Bằng

Hà Nội - Hải Phòng

2. Hãy đánh dấu X vào các ô trống ý em cho là đúng:

*Trong các vùng kinh tế - xã hội của nước ta, những vùng nào có đủ các loại hình giao thông vận tải: đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển và đường hàng không:*

Trung du và miền núi Bắc Bộ

Tây Nguyên

Đồng bằng sông Hồng

Đông Nam Bộ

Bắc Trung Bộ

Đồng bằng sông Cửu Long

Duyên hải Nam Trung Bộ

3. Dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết tại sao nói mạng Internet quốc gia là kết cấu hạ tầng kĩ thuật tối quan trọng để phát triển và hội nhập:

4. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy điền tên các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế vào chỗ chấm (...) của lược đồ hình 5 trang 21.

## Bài 15. THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

1. Hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng.

*Hoạt động nội thương phát triển nhất ở:*

Đồng bằng sông Hồng

Đồng bằng sông Cửu Long

Đông Nam Bộ

2. Hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng.

*Hoạt động nội thương tập trung ít nhất ở:*

Tây Nguyên

Trung du và miền núi Bắc Bộ

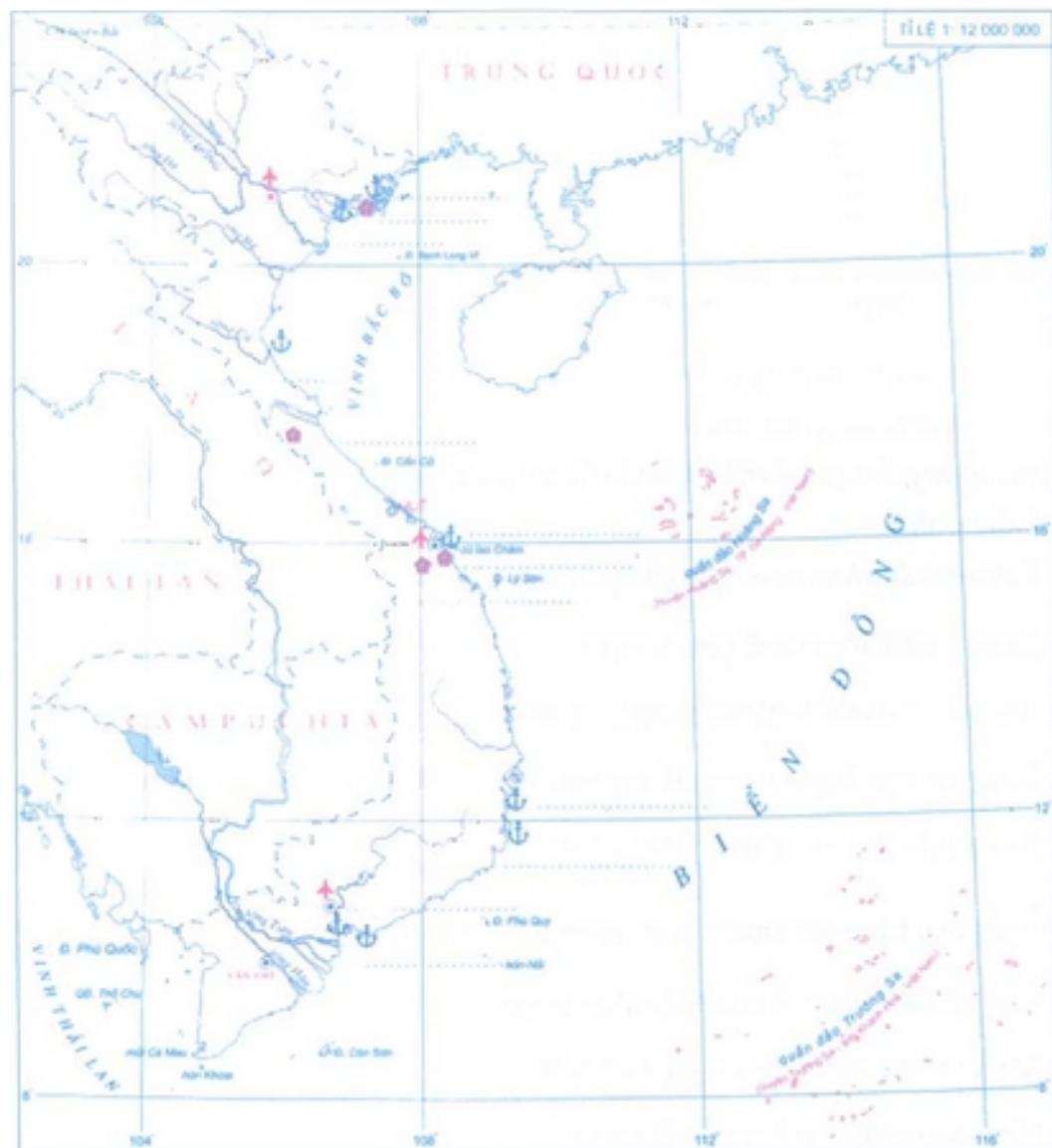
Bắc Trung Bộ

3. Hãy xếp các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sau đây vào những nhóm hàng tương ứng ở bảng bên.

Các mặt hàng: dầu thô, quần áo may sẵn, giày dép, tôm đông lạnh, gạo, cà phê, hàng mây tre đan, hàng thêu ren, hạt điều, than đá, cao su, gỗ và các sản phẩm gỗ, rau quả, chè.

Các nhóm hàng	Các mặt hàng
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	
Hàng công nghiệp nhẹ và tiêu thụ công nghiệp	
Hàng nông, lâm, thuỷ sản	

4. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy diễn tên các di sản thế giới: Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An vào chỗ chấm (...) của lược đồ dưới đây:



Hình 5: Lược đồ một số cảng biển, sân bay và các di sản thế giới

## BÀI 16. THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ

1. Dựa vào bảng số liệu 16.1 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ miến thể hiện cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2002.



2. Dựa vào bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ kết hợp với nội dung SGK, em hãy đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng nhất:

**Tỉ trọng của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản giảm mạnh thể hiện:**

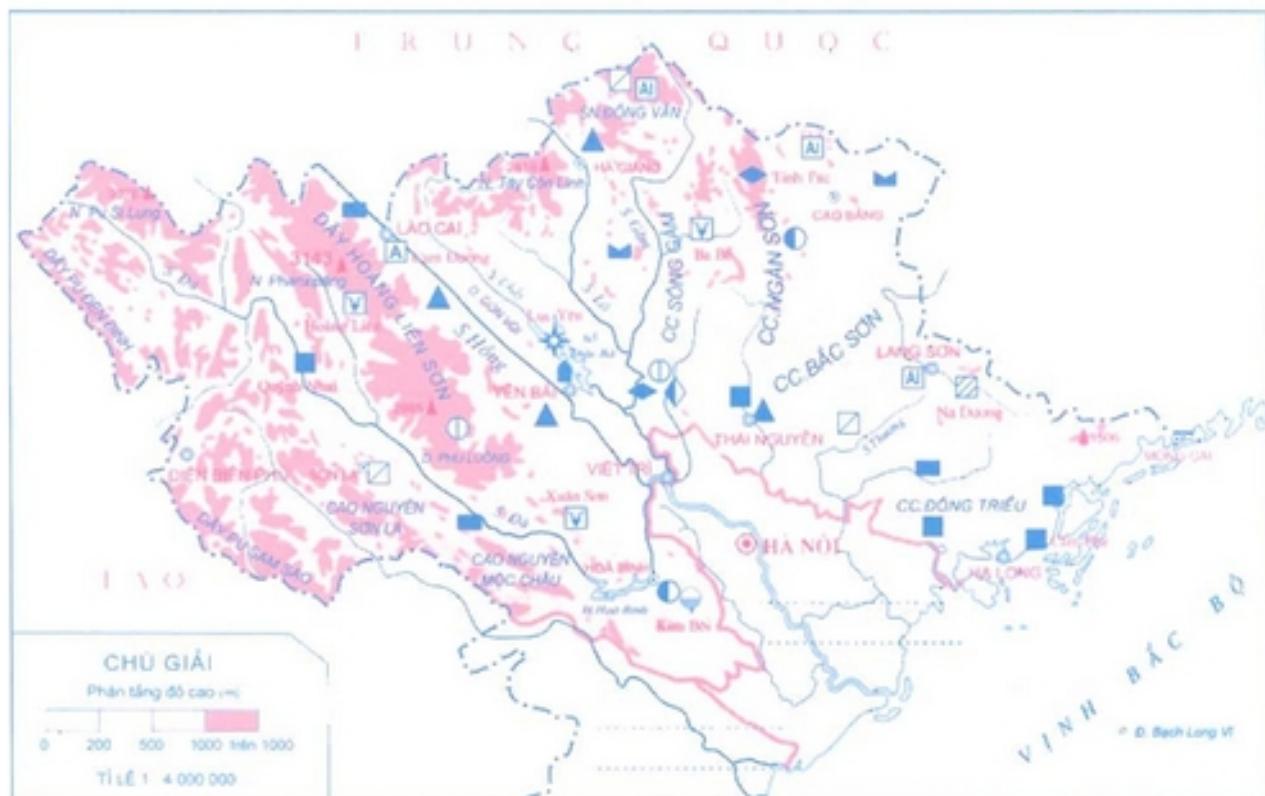
- Diện tích đất nông nghiệp giảm mạnh
- Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm
- Nông nghiệp vẫn phát triển, nhưng công nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh hơn
- Nông nghiệp và công nghiệp đều phát triển

**Tỉ trọng của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng mạnh thể hiện:**

- Khu vực này có tốc độ phát triển nhanh nhất
- Nước ta đang tiến hành công nghiệp hoá
- Khu vực này thu hút đầu tư nước ngoài
- Khu vực này tạo ra nhiều việc làm

## Bài 17. VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

1. Điền vào lược đồ dưới đây tên các vùng tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



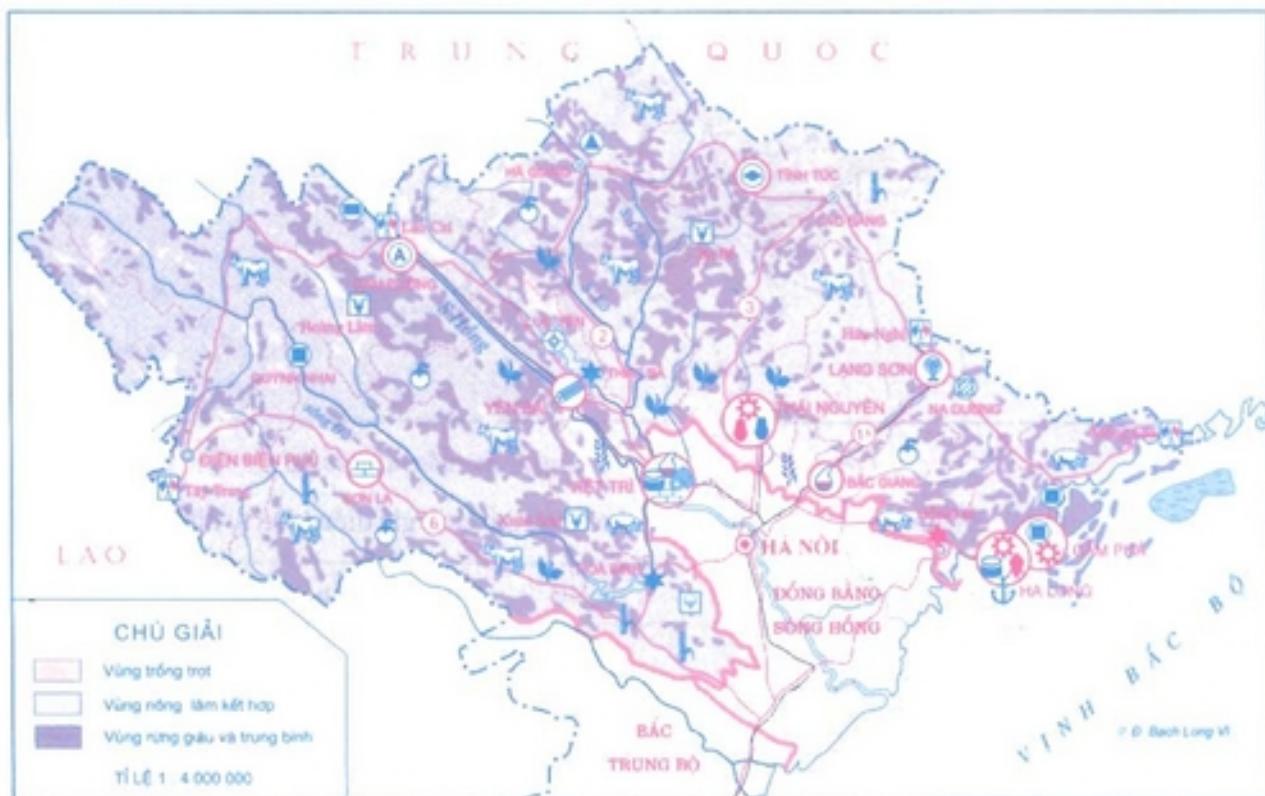
Hình 6. Lược đồ Tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

2. Dựa vào lược đồ trên, em hãy hoàn thành bảng dưới đây để đánh giá điều kiện tự nhiên của vùng.

Yếu tố tự nhiên	Đặc điểm	Thuận lợi, khó khăn
Địa hình		
Khí hậu		
Sông ngòi		
Khoáng sản		
Tài nguyên rừng		
Tài nguyên biển		

3. Trình bày những thuận lợi và khó khăn về dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế-xã hội của vùng.

### Bài 18. VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (tiếp theo)



Hình 7. Lược đồ Kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

1. Quan sát kĩ lược đồ trên, em hãy nêu tên các ngành công nghiệp có trong vùng.

2. Dựa vào lược đồ trên và hình 18.1 trong SGK, em hãy hoàn thành bảng sau:

Ngành công nghiệp	Nơi phân bố
Nhiệt điện	

Thuỷ điện	.....
Luyện kim	.....
Cơ khí	.....
Hoá chất	.....
Sản xuất hàng tiêu dùng	.....
Chế biến lương thực, thực phẩm	.....

3. Ké tên các cây trồng, vật nuôi chủ yếu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

4. Nối ý ở ô bên trái với ý ở ô bên phải sao cho đúng và phù hợp:

*Trung tâm kinh tế*

*Ngành sản xuất tiêu biểu*

Lạng Sơn	Công nghiệp luyện kim
Hà Long	Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
Việt Trì	Hoá chất, chế biến lâm sản, ...
Thái Nguyên	Du lịch biển đảo, dịch vụ cảng biển, chế biến thực phẩm, ...

### Bài 19. THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ, PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ ÁNH HƯỚNG CỦA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

1. Dựa vào hình 6 ở trang 23, hình 7 ở trang 24 và kết hợp với hình 17.1, 18.1 trong SGK, em hãy:

❖ Hoàn thành bảng sau.

Khoáng sản	Nơi phân bố	Khoáng sản	Nơi phân bố
Than	.....	Bôxít	.....
Sát	.....	Apatit	.....
Mangan	.....	Đồng	.....
Thiếc	.....	.....	.....

Cho biết những ngành công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh.

Công nghiệp

Công nghiệp

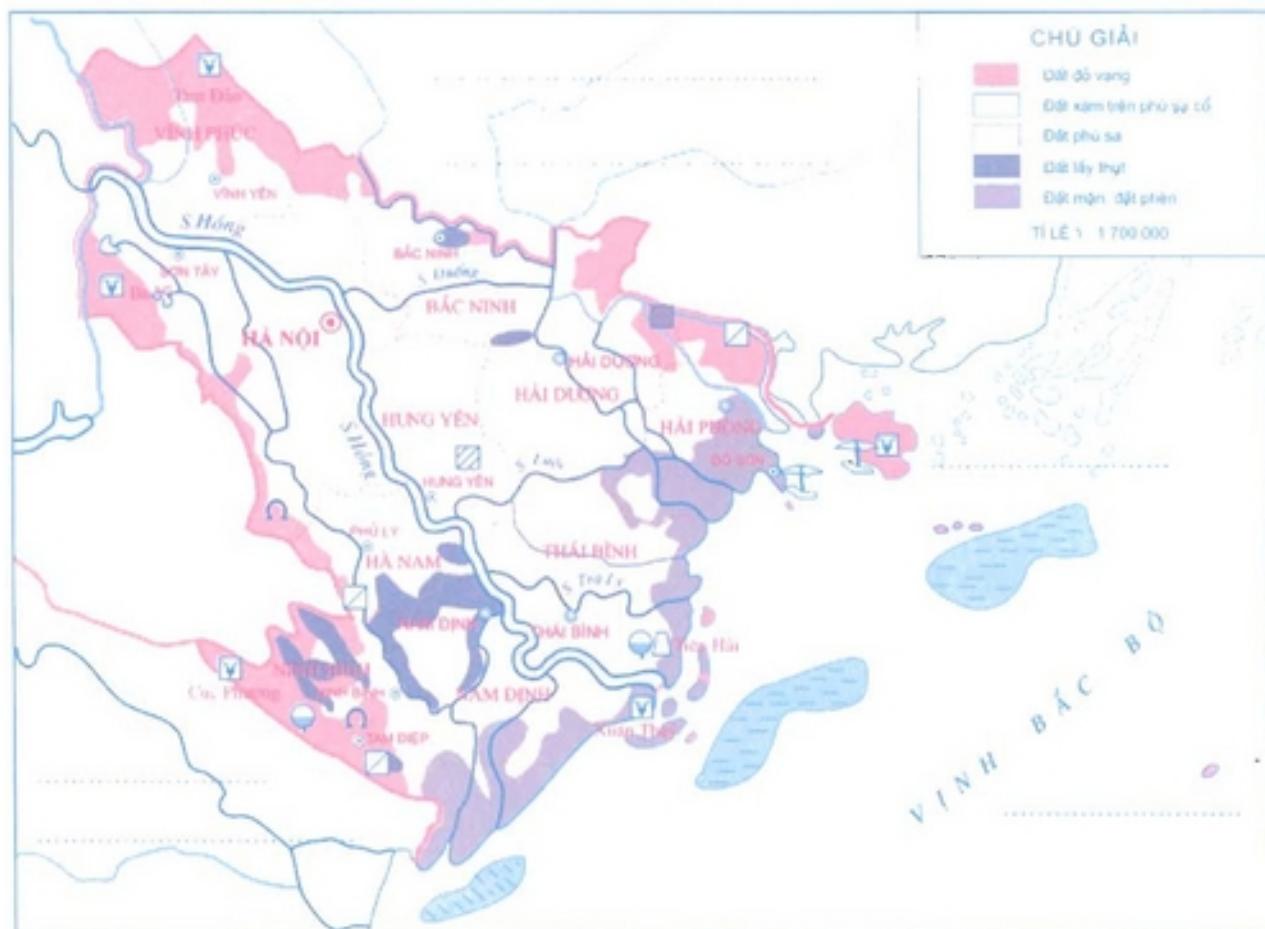
Công nghiệp

Ngành công nghiệp luyện kim den ở Thái Nguyên chủ yếu sử dụng nguyên liệu khoáng sản tại chỗ, đó là

2. Dựa vào hình 18.1 trong SGK, em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa khai thác và sử dụng than.

## Bài 20. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

1. Em hãy xác định và điền vào lược đồ dưới đây tên các vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; tên các đảo: Cát Bà, Bạch Long Vĩ.



Hình 8. Lược đồ Tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng

2. Dựa vào lược đồ trên và kiến thức đã học, em hãy:

- Hoàn thành bảng dưới đây để thấy rõ đặc điểm phân bố tài nguyên đất và khoáng sản.

Tài nguyên	Nơi phân bố
Dất đỏ vàng	
Dất lầy thụt	
Dất phù sa	
Dất mặn, đất phèn	
Dất xám trên phù sa cổ	
Khí thiên nhiên	
Than nâu	

Dá vôi						
Sét, cao lanh						
Nước khoáng						

Cho biết điều kiện tự nhiên, dân cư - xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh những ngành kinh tế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### Bài 21. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tiếp theo)

1. Quan sát kĩ hình 9 ở trang 29 và kết hợp kiến thức đã học, em hãy:

Trình bày tình hình phát triển và phân bố các ngành công nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Hình 9. Lược đồ Kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng

❖ Hoàn thành bảng sau:

Trung tâm công nghiệp	Quy mô	Các ngành công nghiệp
Hà Nội		
Hải Phòng		
Hải Dương		
Nam Định		
Hà Đông		

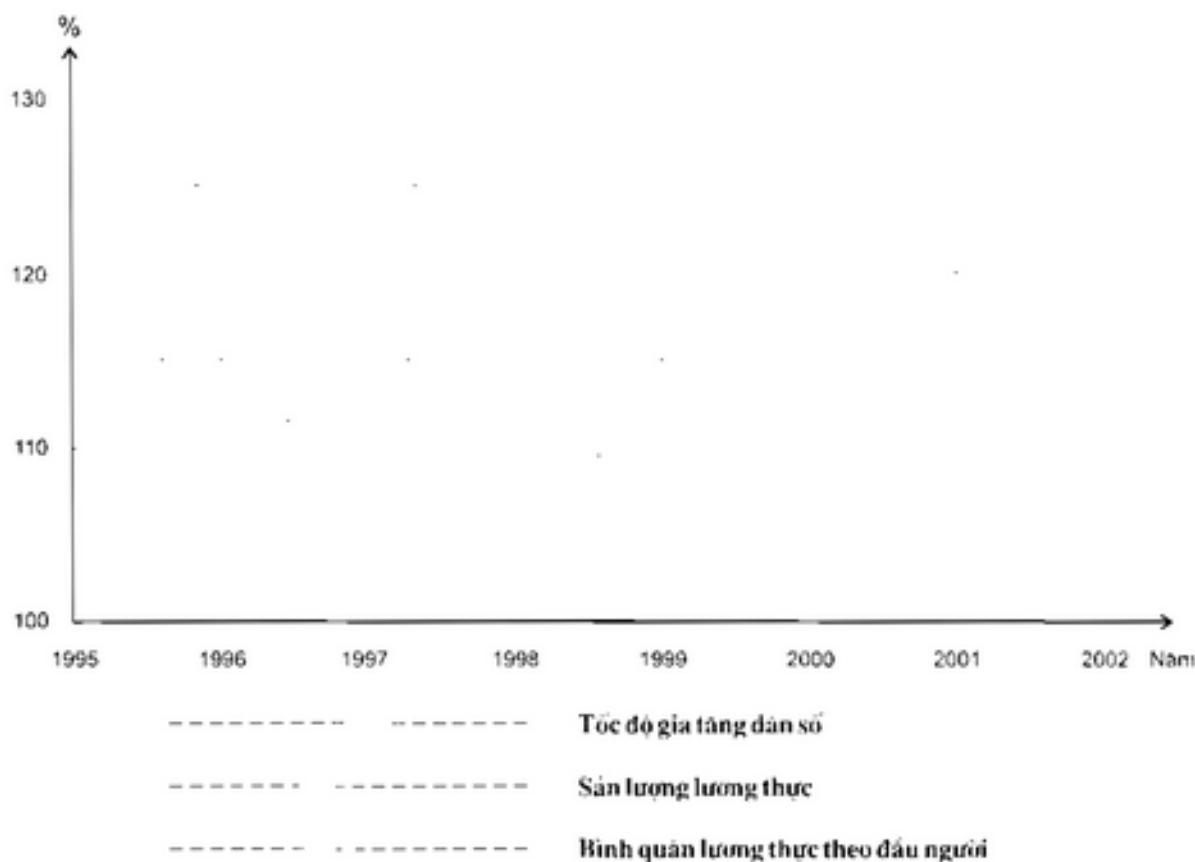
2. Dựa vào lược đồ trên kết hợp vốn hiểu biết của bản thân, em hãy nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

**Bài 22. THỰC HÀNH:**

**VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ.**

**SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI**

1. Dựa vào bảng 22.1 trong SGK, em hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng.



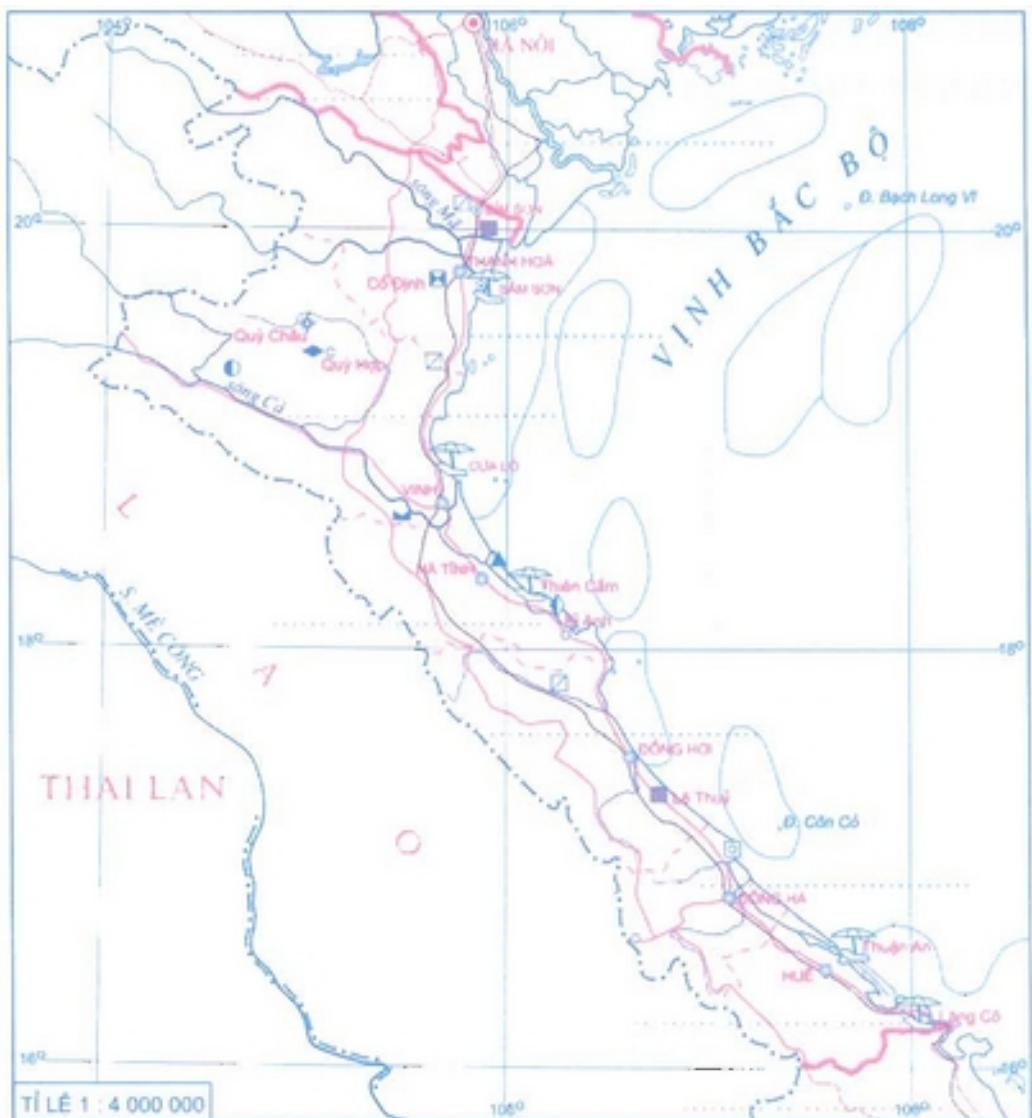
2. Dựa vào biểu đồ đã vẽ được ở trang trước và kiến thức đã học, em hãy:

Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong việc sản xuất lương thực ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Nêu vai trò của vụ đông trong sản xuất nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Phân tích ý nghĩa của việc giảm tỷ lệ gia tăng dân số tới phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng.

## Bài 23. VÙNG BẮC TRUNG BỘ



Hình 10. Lược đồ Vùng Bắc Trung Bộ

- Quan sát lược đồ Vùng Bắc Trung Bộ kết hợp với nội dung SGK, em hãy:
  - Điền tên các vùng tiếp giáp với vùng Bắc Trung Bộ, tên các tỉnh trong vùng lên chỗ chấm (...) trên lược đồ.
  - Hoàn thành bảng sau:

Tài nguyên	Phân bố	Tài nguyên	Phân bố
Đá vôi xi măng	.....	Titan	.....
Sét, cao lanh	.....	Thiếc	.....
Sát	.....	Đá quý	.....
Crôm	.....	Bãi tắm	.....
Mangan	.....		

- ❖ Ké vạch vào lược đồ các bãi tôm (vạch chéo), bãi cá (vạch ngang).
2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy kể tên một số loại thiên tai và ảnh hưởng của chúng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng.
- .....
- .....
- .....

3. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, em hãy trình bày những đặc điểm về phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. Những đặc điểm đó có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.
- .....
- .....
- .....

#### Bài 24. VÙNG BẮC TRUNG BỘ (tiếp theo)

1. Dựa vào nội dung SGK em hãy đánh dấu X vào ô trống những ý em cho là đúng:

*Để phát triển nông nghiệp của vùng cần phải*

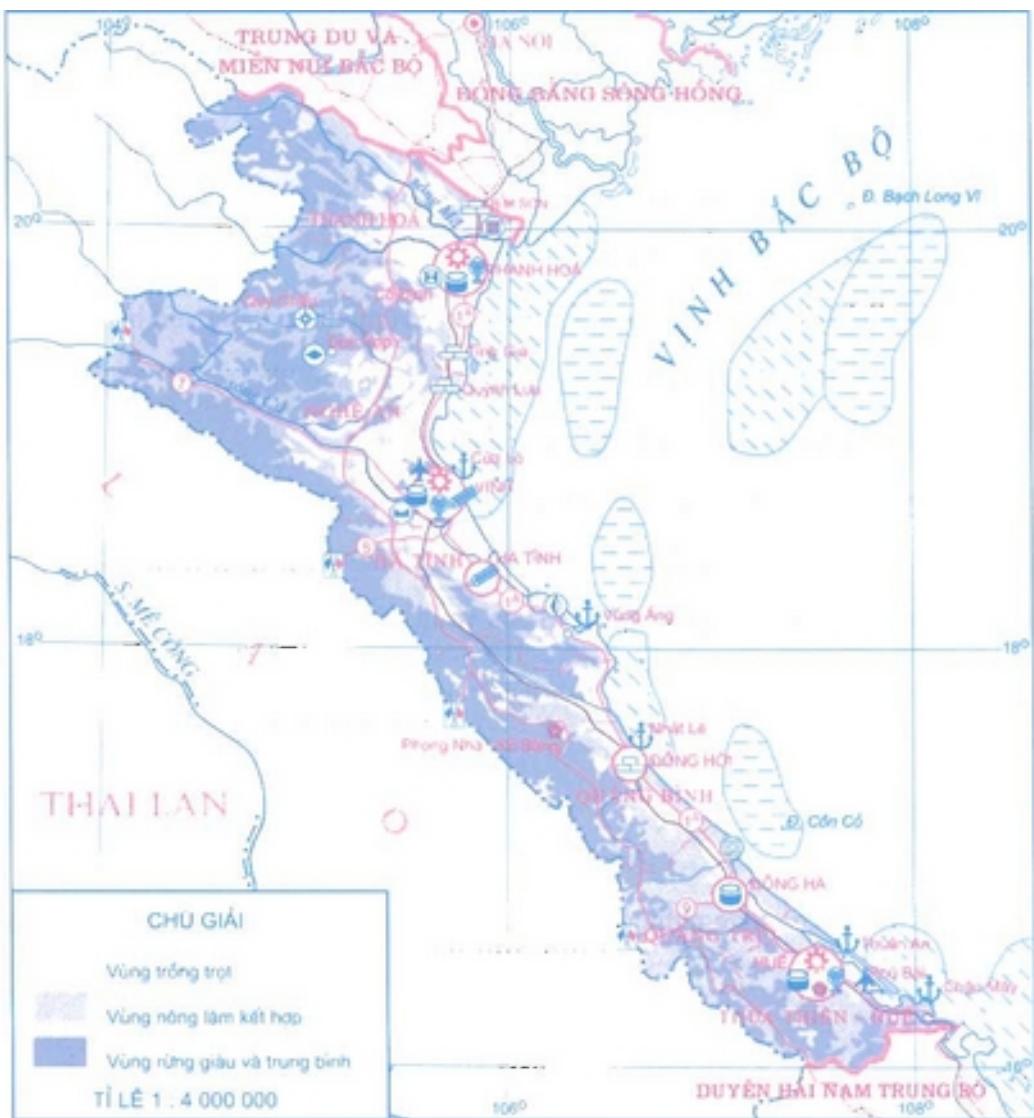
- Mở rộng diện tích trồng cây lương thực ở vùng đồng bằng ven biển.
- Phát triển nghề rồng kết hợp với chăn nuôi gia súc lớn.
- Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm.
- Đẩy mạnh và phát triển ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ, hải sản.

2. Quan sát lược đồ Vùng kinh tế Bắc Trung Bộ (hình 11) kết hợp với nội dung SGK, em hãy:

- ❖ Trình bày một số ngành công nghiệp chính của vùng (nơi khai thác, nơi sản xuất)
- .....
- .....
- .....

- ❖ Ké tên một số trung tâm công nghiệp và các ngành công nghiệp chính trong các trung tâm đó
- .....
- .....
- .....

3. Quan sát lược đồ Kinh tế vùng Bắc Trung Bộ trang 87 trong SGK và lược đồ dưới đây, em hãy:
- ❖ Điền tên các cửa khẩu Nậm Cắn, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo vào chỗ chấm (...) ở lược đồ dưới.
  - ❖ Kể tên các hải cảng chính, các tuyến đường quốc lộ nối các tỉnh trong vùng và nối các tỉnh trong vùng với nước CHDCN Lào.



Hình 11. Lược đồ Kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

## Bài 25. VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ



Hình 12. Lược đồ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

1. Quan sát hình 25.1 trong SGK, kết hợp với nội dung bài học, em hãy:

- ❖ Dùng bút chì màu để tô rõ ranh giới của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, diễn tên các vùng tiếp giáp, các tỉnh trong vùng và quần đảo Hoàng Sa.
- ❖ Em hãy kể tên các bãi tắm, các điểm du lịch nổi tiếng của vùng (thuộc tỉnh nào?)

2. Đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng:

**Đặc điểm địa hình của các tỉnh trong vùng là :**

- Vùng núi, đồi tập trung ở phía bắc, đồng bằng ở phía nam
- Núi đồi chiếm trên 3/4 diện tích các tỉnh.
- Vùng núi, gò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp ở phía đông.

3. Điều kiện tự nhiên và xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế của vùng.

#### Bài 26. VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (tiếp theo)

1. Dựa vào nội dung và quan sát hình 26.1 trong SGK, kết hợp với lược đồ hình 13 trang 37 em hãy:

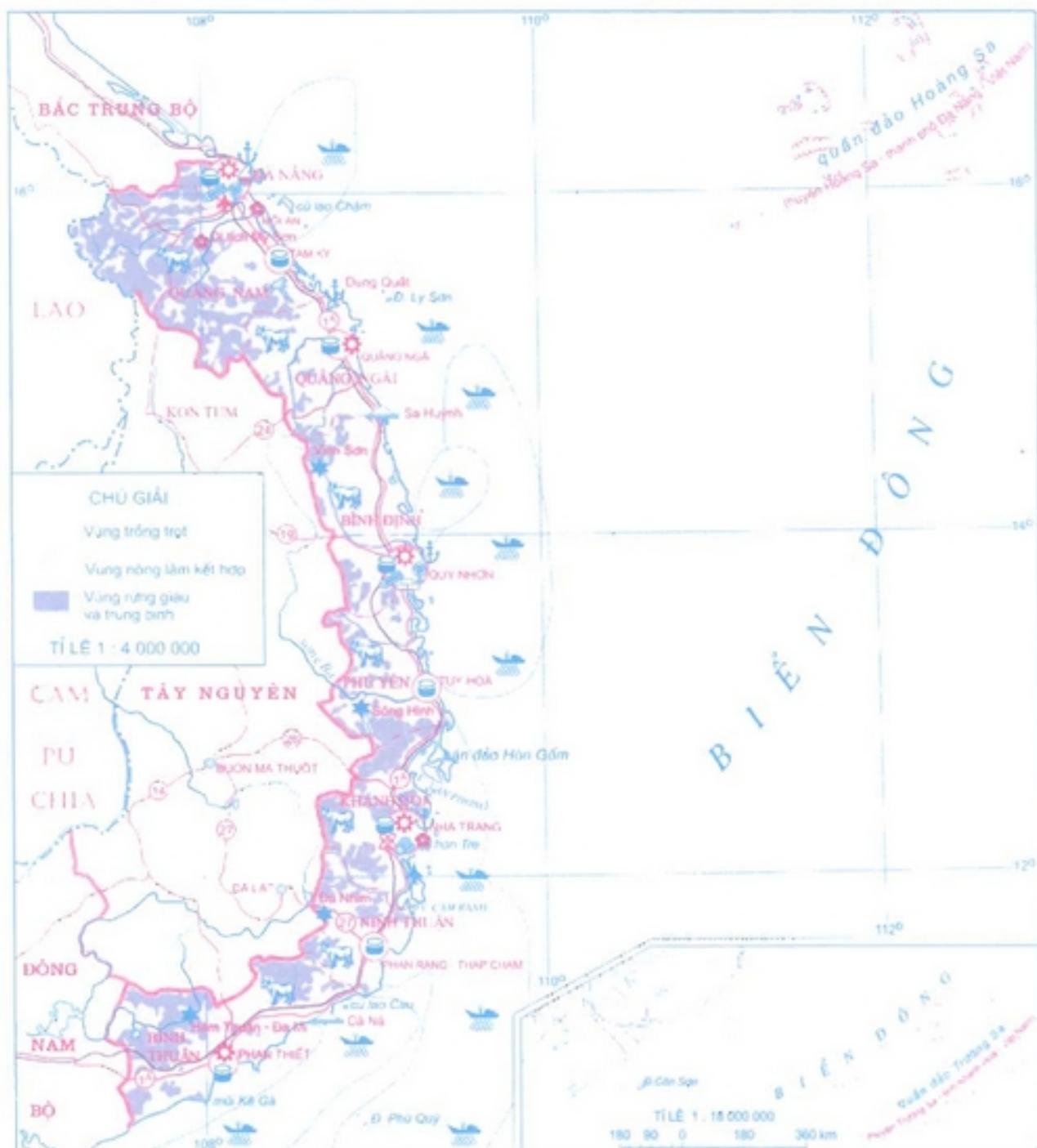
- ❖ Ké vạch vào lược đồ các bãi tôm (vạch chéo), các bãi cá (vạch ngang).
- ❖ Giải thích vì sao nghề chăn nuôi gia súc lớn, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản là thế mạnh của vùng

2. Quan sát hình 13 trang 37, kết hợp với nội dung SGK, em hãy :

- ❖ Hoàn thành bảng sau:

Trung tâm công nghiệp	Các ngành công nghiệp chính
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

- ❖ Kể tên các hải cảng lớn trong vùng. Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam có vai trò quan trọng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của vùng?

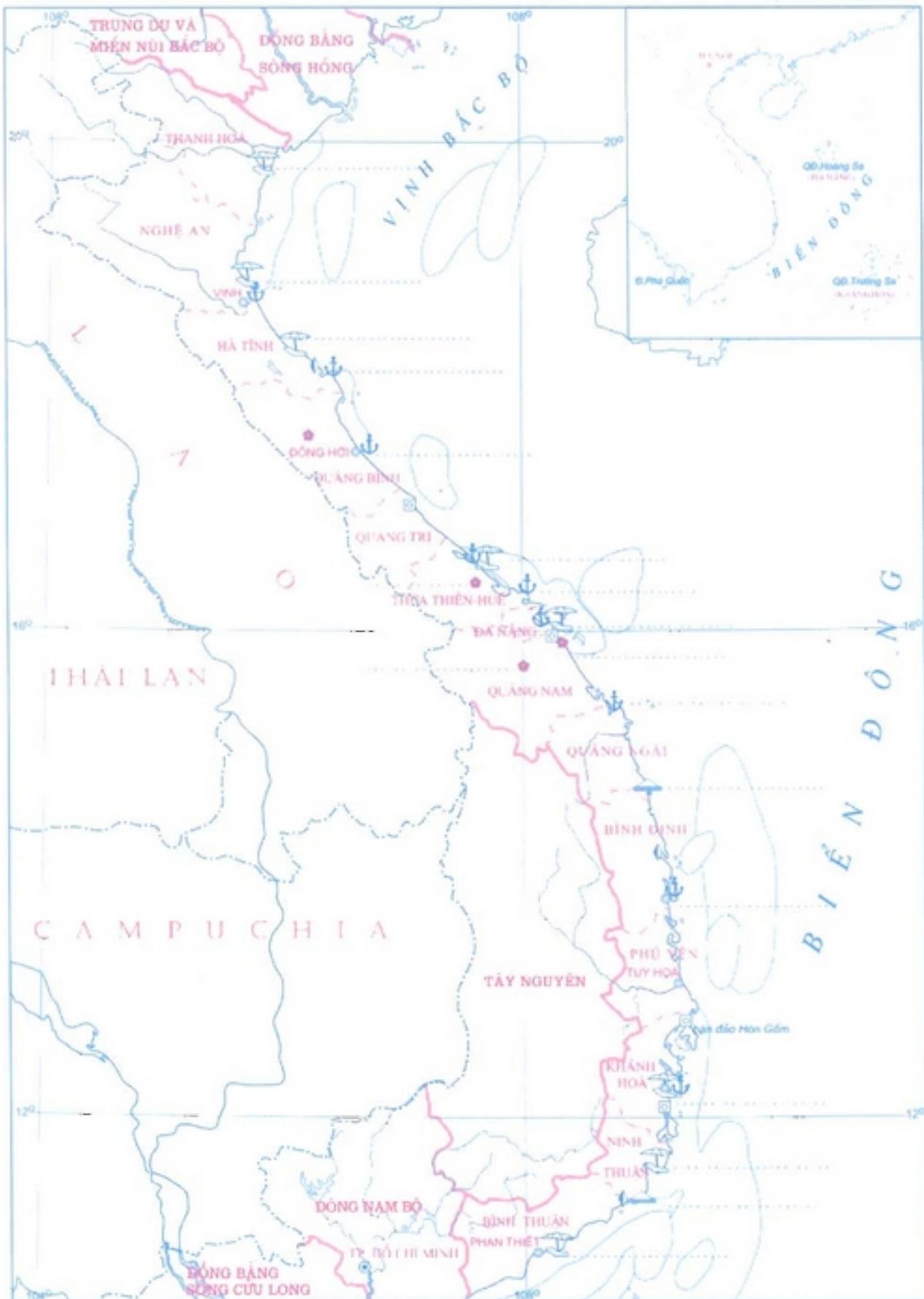


Hình 13. Lược đồ Kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

## Bài 27. THỰC HÀNH: KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Hình 14

TỈ LỆ 1 : 5 000 000



1. Dựa vào lược đồ các hình 10, 11, 12, 13 (ở các bài trước) hoặc Atlat địa lí Việt Nam:

- ♦ Điểm tên các cảng biển, các cơ sở sản xuất muối lên lược đồ.
- ♦ Ké vạch vào các bãi tắm (ké vạch chéo), bãi cá (ké vạch ngang).
- ♦ Điểm tên các bãi biển có giá trị du lịch nổi tiếng, các điểm tham quan du lịch ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ
- ♦ Ké tên một số mỏ khoáng sản dọc theo bờ biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- ♦ Trình bày tiềm năng phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

2. Căn cứ vào bảng số liệu bảng 27.1 trang 100 trong SGK, em hãy:

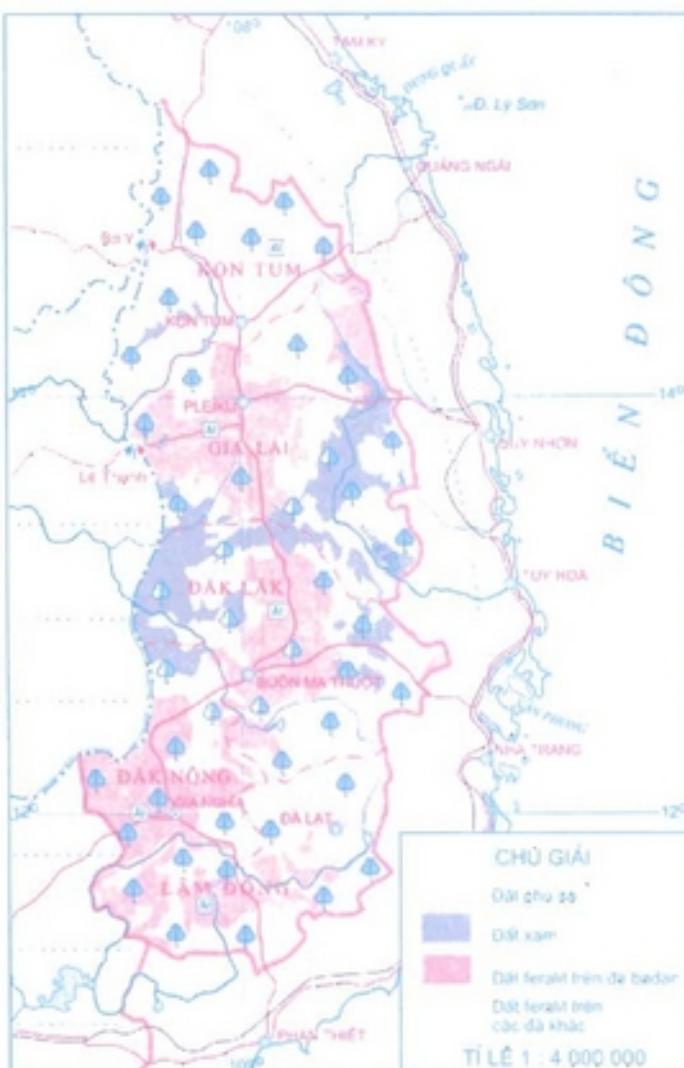
- ♦ So sánh sản lượng thuỷ sản nuôi trồng và khai thác của hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- ♦ Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thuỷ sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng?

## Bài 28. VÙNG TÂY NGUYÊN

1. Dựa vào hình 28.1 trong SGK, em hãy:

- ❖ Điểm tên các nước, các vùng tiếp giáp với vùng Tây Nguyên.
- ❖ Vị trí địa lí của vùng có gì đặc biệt so với các vùng mà em đã học. Hãy nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng.



Hình 15. Lược đồ Vùng Tây Nguyên

3. Đánh dấu X vào ô trống ý em cho là đúng để thấy rõ đặc điểm dân cư ở vùng Tây Nguyên.

- Tây Nguyên là vùng có nhiều dân tộc sinh sống.
- Các dân tộc ít người ở Tây Nguyên chiếm đa số dân trong vùng
- Tây Nguyên là vùng có số dân ít nhất và mật độ dân số thấp nhất so với các vùng.
- Tất cả các ý trên

## Bài 29. VÙNG TÂY NGUYÊN (tiếp theo)

### 1. Dựa vào lược đồ Kinh tế vùng Tây

Nguyễn hình bên em hãy xác định các vùng trồng cà phê, cao su, chè ở Tây Nguyên (ở những tỉnh nào? Tỉnh nào trồng nhiều nhất? Tỉnh nào ít nhất?)

❖ Cà phê :

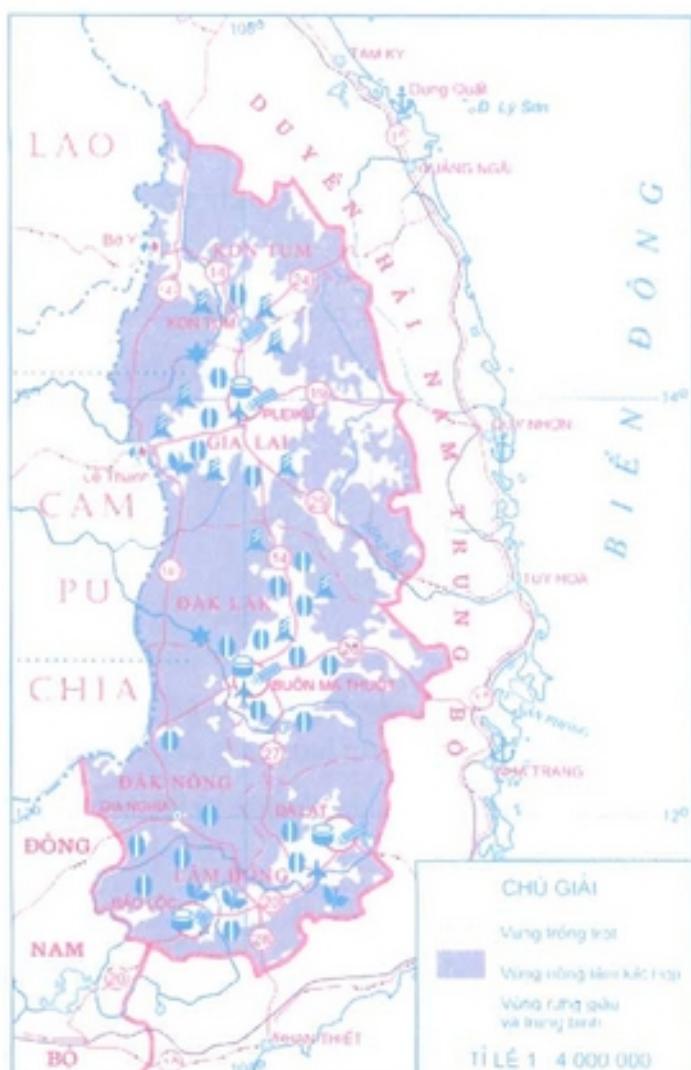
❖ Cao su :

❖ Chè:

### 2. Dựa vào hình 16 và nội dung trong SGK, em hãy :

❖ Điền tên các nhà máy thủy điện Dray Hlinh, Yaly

❖ Kể tên các trung tâm công nghiệp và những ngành kinh tế chính của các trung tâm đó.



Hình 16. Lược đồ Kinh tế vùng Tây Nguyên

### 3. Quan sát hình 16 em hãy kể tên những quốc lộ nối các tỉnh Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

**BÀI 30. THỰC HÀNH: SO SÁNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NAM  
Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN**

1. Cân cứ vào số liệu trong bảng thống kê "Bảng 30.1" trang 112 trong SGK, em hãy hoàn thành các câu dưới đây:

- ❖ Các cây công nghiệp lâu năm trồng được ở cả hai vùng: . . . . .
- ❖ Cây công nghiệp lâu năm nào chỉ trồng ở Tây Nguyên mà không trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ: . . . . .
- ❖ Nguyên nhân (sử dụng những kiến thức đã học ở các bài trước như địa hình, khí hậu, đất và đặc điểm sinh thái của từng loại cây để giải thích): . . . . .

2. Dựa vào số liệu trong bảng thống kê "Bảng 30.1" trang 112 trong SGK, em hãy so sánh sự chênh lệch về diện tích, sản lượng các cây chè, cà phê ở hai vùng:

- ❖ Diện tích cây chè (vùng nào lớn và lớn hơn bao nhiêu): . . . . .
- ❖ Sản lượng cây chè (vùng nào lớn và lớn hơn bao nhiêu): . . . . .
- ❖ Diện tích cây cà phê (vùng nào lớn và lớn hơn bao nhiêu): . . . . .
- ❖ Sản lượng cây cà phê (vùng nào lớn và lớn hơn bao nhiêu): . . . . .

3. Viết báo cáo ngắn gọn về tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm của một trong hai cây công nghiệp: cà phê hoặc chè.

## Bài 31. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

1. Dựa vào nội dung SGK, Atlat địa lí Việt Nam và đối chiếu với lược đồ dưới đây, em hãy điền tên các vùng tiếp giáp với Đông Nam Bộ:

❖ Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ, Biển Đông và tên nước láng giềng vào chỗ chấm (...) trên lược đồ.

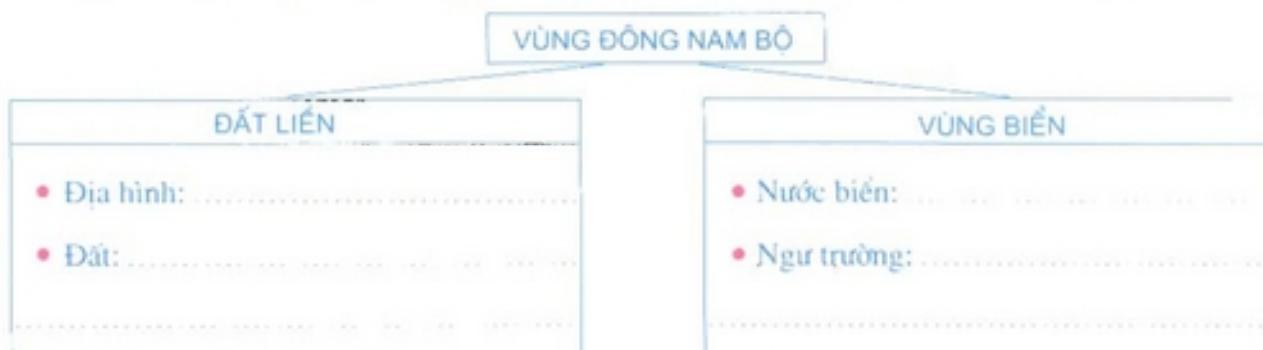
❖ Điền tên sông Đồng Nai, sông Bé, hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An vào chỗ chấm (...) trên lược đồ



Hình 17. Lược đồ Vùng Đông Nam Bộ

2. Ở vùng Đông Nam Bộ có nguồn tài nguyên khoáng sản nào đang được khai thác nhiều nhất cả nước. Kể tên một số mỏ khoáng sản mà em biết.

3. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền tiếp nội dung thích hợp vào chỗ chấm của (...) sơ đồ sau:



## ĐẤT LIỀN

- Khí hậu:
- Tiềm năng kinh tế

## VÙNG BIỂN

- Khí hậu:
- Tiềm năng kinh tế

4. Dựa vào nội dung SGK và số liệu của bảng 31.2, em hãy cho biết:

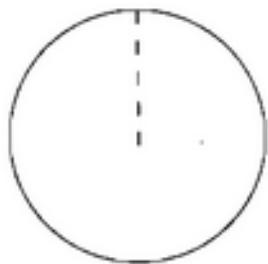
◊ Vẽ tần số dân thành thị của vùng, giải thích vì sao tần số dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ gần gấp đôi tần số dân thành thị trung bình của cả nước?

◊ Đặc điểm lực lượng lao động của vùng Đông Nam Bộ:

### **Bài 32. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (tiếp theo)**

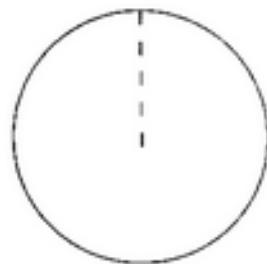
1. Dựa vào số liệu của bảng 32.1 về "Cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và cả nước, năm 2002 (%)" trong SGK, em hãy:

◊ Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện rõ cơ cấu đó.



Vùng Đông Nam Bộ

- ▷ Nông, lâm, ngư nghiệp
- ▷ Công nghiệp, xây dựng
- ▷ Dịch vụ



Cả nước

◊ Giải thích vì sao khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp - xây dựng ở đây lại có tần số lớn như vậy?

2. Em hãy nêu tên một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả nổi tiếng của vùng:

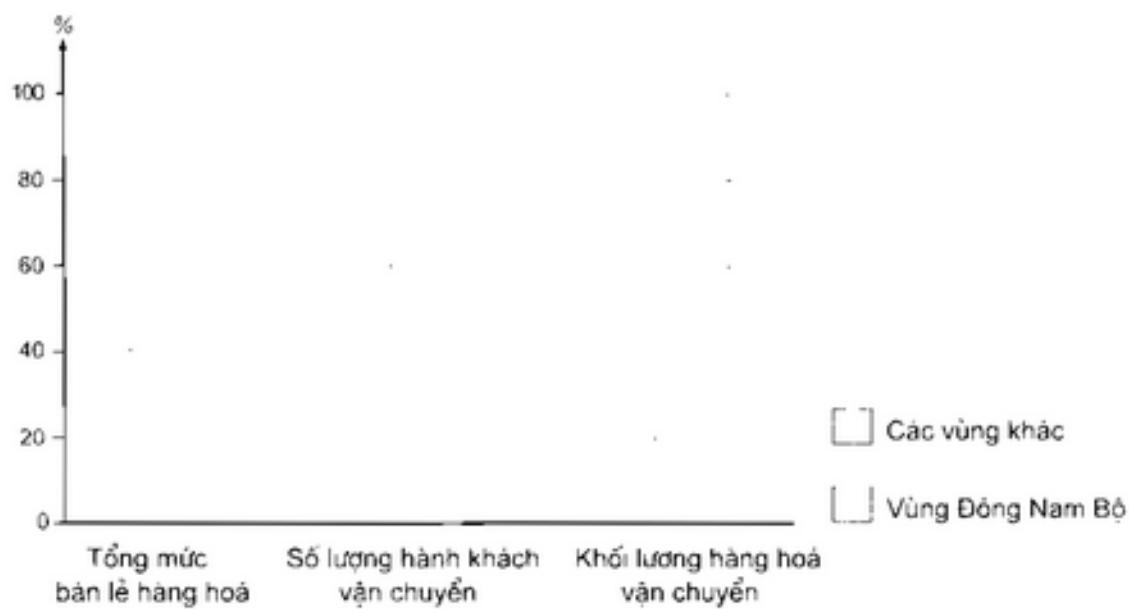
Các cây công nghiệp lâu năm: ...

⇒ Các cây ăn quả nổi tiếng: ...

#### Bài 4: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

1. Dựa vào bảng số liệu 33.1 trong SGK em hãy:

Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện tỉ trọng một số chỉ tiêu dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước năm 2002.



Cho biết vì sao tổng mức bán lẻ hàng hoá và số lượng hành khách vận chuyển ở vùng Đông Nam Bộ lại chiếm tỉ trọng cao so với cả nước?

2. Dựa vào nội dung SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy:

Nêu tên các mặt hàng xuất khẩu dẫn đầu cả nước của vùng Đông Nam Bộ:

⇒ Các mặt hàng nhập khẩu chính của vùng Đông Nam Bộ.

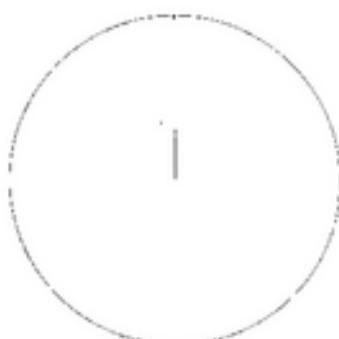
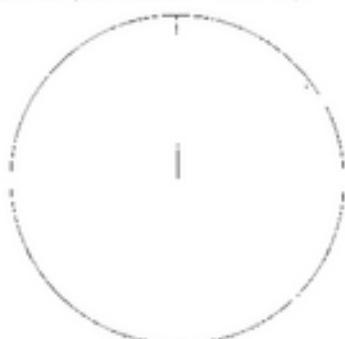
3. Vùng Đông Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi nào để thu hút đầu tư nước ngoài?

Về vị trí địa lý: . . . . .  
Về nguồn tài nguyên: . . . . .  
Về nguồn lao động: . . . . .  
Về chính sách thu hút đầu tư: . . . . .

4. Em hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố ở Đông Nam Bộ có đóng góp lớn nhất trong phát triển kinh tế và thu hút đầu tư nước ngoài: . . . . .

5. Dựa vào số liệu ở bảng 33.2 trong SGK, em hãy:

Vẽ biểu đồ thể hiện một số chỉ tiêu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với cả nước năm 2002 (cả nước = 100%).



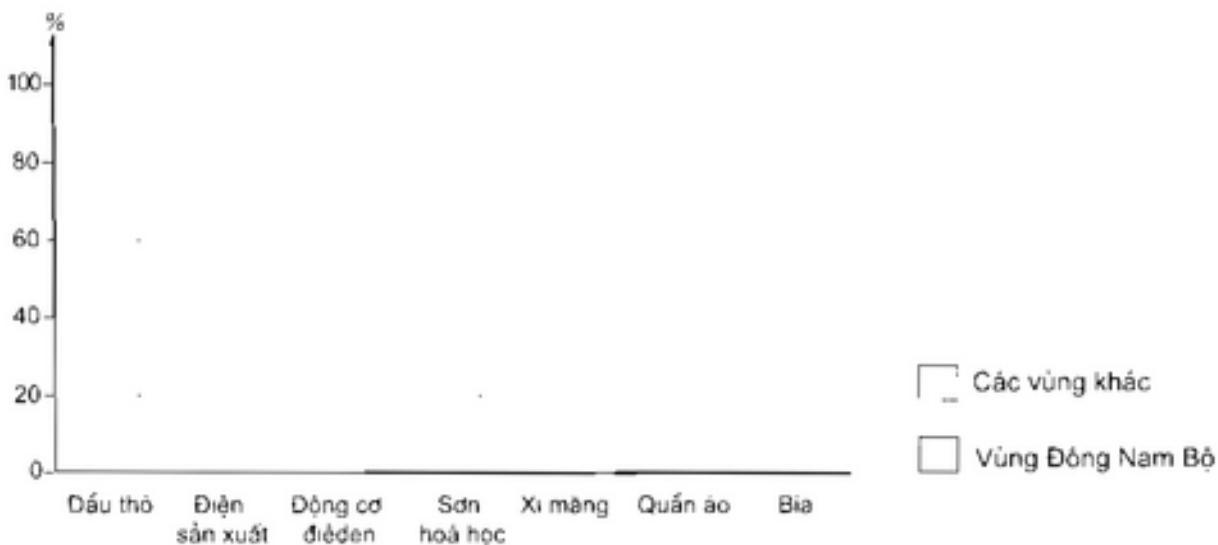
Vùng kinh tế trọng điểm  
phía Nam



Phản công lại của cả nước

1. Dựa vào bảng số liệu 34.1 trong SGK em hãy:

Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện tỉ trọng một số sản phẩm tiêu biểu của ngành công nghiệp Đông Nam Bộ so với cả nước năm (2001)



2. Em hãy đánh dấu x vào ô trống các ý em cho là đúng:

**Khai thác dầu thô của vùng Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng so với cả nước:**

80%

100%

50%

90%

**Một số sản phẩm tiêu biểu của các ngành công nghiệp trong điểm ở vùng Đông Nam Bộ có sử dụng nguồn tài nguyên tại chỗ là:**

Điện sản xuất

Xi măng

Động cơ điện

Quần áo

Sơn hoá học

Bia

**Những ngành công nghiệp trọng điểm sử dụng nhiều lao động nhất ở vùng Đông Nam Bộ là:**

Khai thác nguyên liệu

Chế biến lương thực, thực phẩm

Sản xuất vật liệu xây dựng

Sản xuất hóa chất

Dệt may

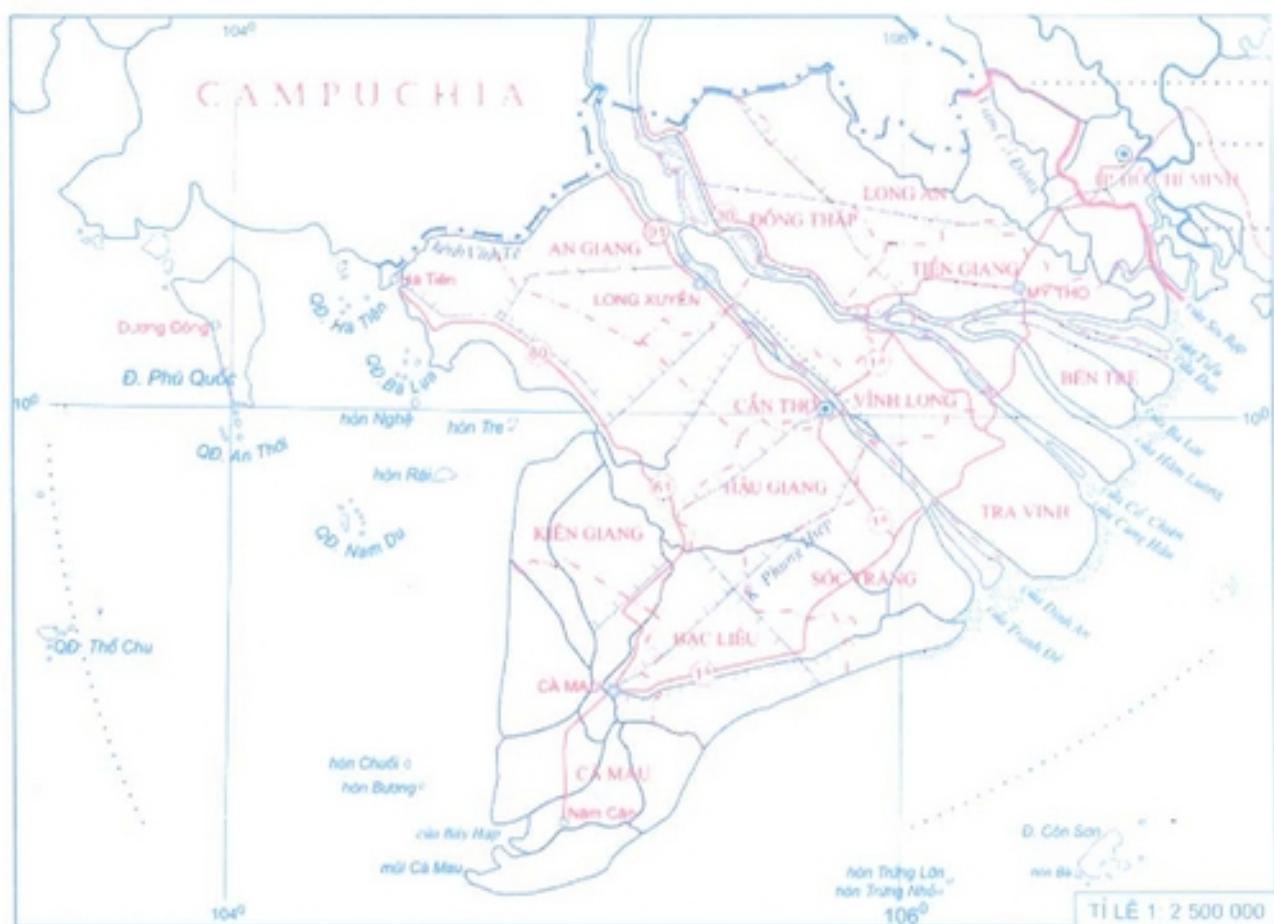
Sản xuất điện

3. Dựa vào nội dung SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu tên một số ngành công nghiệp trọng điểm của vùng Đông Nam Bộ cần ứng dụng kĩ thuật cao:

- Công nghiệp chế biến nông lâm
- Công nghiệp chế biến thủy sản
- Công nghiệp chế biến thực phẩm
- Công nghiệp dệt may
- Công nghiệp khai thác mỏ
- Công nghiệp chế biến kim loại
- Công nghiệp chế biến hóa chất
- Công nghiệp chế biến gỗ
- Công nghiệp chế biến nông lâm
- Công nghiệp chế biến thủy sản
- Công nghiệp chế biến thực phẩm
- Công nghiệp dệt may
- Công nghiệp khai thác mỏ
- Công nghiệp chế biến kim loại
- Công nghiệp chế biến hóa chất
- Công nghiệp chế biến gỗ

## Bài 35. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Quan sát hình 35.1 và dựa vào nội dung SGK, em hãy điền tên: Vùng Đồng Nam Bộ; vịnh Thái Lan; Biển Đông; sông Tiền; sông Hậu vào chỗ chấm (...) trên lược đồ dưới đây.



Hình 19: Lược đồ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

2. Dựa vào nội dung SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy điền tiếp nội dung thích hợp về đất, rừng; khí hậu, nước; mạng lưới sông ngòi kênh rạch; biển, đảo và nguồn thuỷ, hải sản vào bảng dưới đây để thấy rõ sự giống nhau và khác nhau của hai vùng đồng bằng lớn nhất cả nước:

	Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
GIỐNG NHAU		

## Đồng bằng sông Hồng

## Đồng bằng sông Cửu Long

SỰ KHÁC NHAU



## 3. Sưu tầm các tài liệu tranh ảnh về chợ nổi trên sông của Đồng bằng sông Cửu Long:

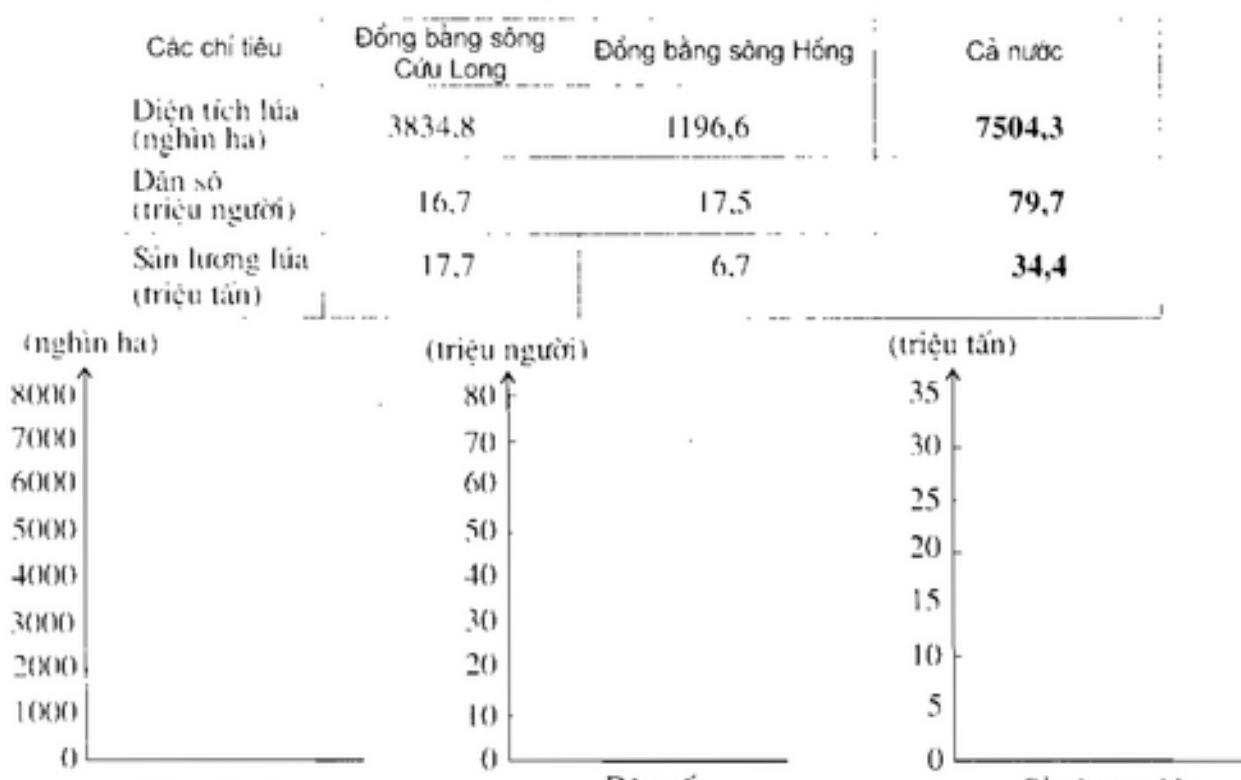
Mỗi học sinh phải tích cực, chủ động sưu tầm các tài liệu, tranh ảnh về một chợ nổi (theo sự phân công của giáo viên).

Học sinh viết báo cáo theo chuỗi đã lựa chọn, sau khi đã chuẩn bị kĩ nội dung giáo viên yêu cầu các em thảo luận trao đổi ở tổ, phân tích những tài liệu và thông tin thu thập được và cứ nhóm trưởng để trình bày trước lớp.

Giáo viên yêu cầu từng nhóm trao đổi, nhận xét về bản báo cáo của các nhóm.

Giáo viên nhận xét, đánh giá tổng kết những vấn đề các nhóm đã trình bày.

## 1. Dựa vào số liệu về diện tích lúa, dân số và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2002 dưới đây, hãy vẽ biểu đồ cột chồng để thể hiện rõ số liệu đó.



2. Dựa vào các kiến thức đã học, cho biết vì sao Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm về lương thực, thực phẩm và là vùng xuất khẩu thuỷ sản hàng đầu cả nước:

3. Dựa vào số liệu bảng 36.2 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ tròn để thể hiện rõ tỉ trọng các ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2000.

4. Giải thích vì sao ngành chế biến lương thực, thực phẩm lại chiếm tỉ trọng cao nhất trong các ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long:

- Chế biến lương thực, thực phẩm
- Cơ khí nông nghiệp, một số ngành công nghiệp khác
- Vật liệu xây dựng

5. Hãy đánh dấu x vào ô trống các ý em cho là đúng.

*Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long là:*

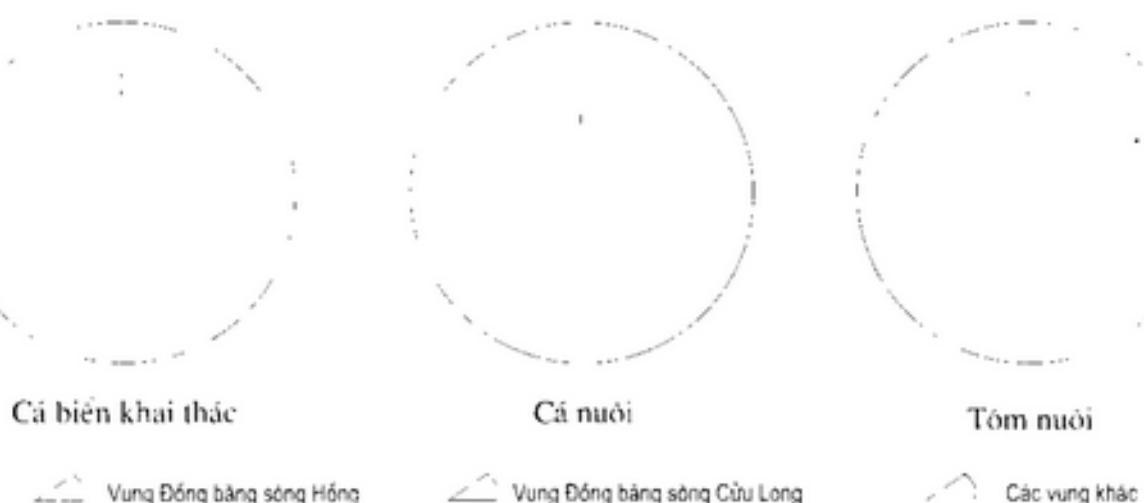
- Xuất khẩu
- Nhập khẩu
- Giao thông đường thuỷ
- Du lịch sinh thái (trên sông, kênh rạch, miệt vườn, biển đảo)

Vì sao em lại chọn như vậy:

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy tính và diễn tiếp vào chỗ chấm (...) để thấy rõ tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2002.

Các chỉ tiêu	Cả nước		Đồng bằng sông Hồng		Đồng bằng sông Cửu Long	
	Sản lượng (nghìn tấn)	Tỉ lệ (%)	Sản lượng (nghìn tấn)	Tỉ lệ (%)	Sản lượng (nghìn tấn)	Tỉ lệ (%)
	1189,6	100%	54,8	...	493,8	...
	486,4	100%	110,9	...	283,9	...
	186,2	100%	7,3	...	142,9	...

2. Dựa vào số liệu đã tính, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi và tôm nuôi của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước.



3. Hãy nêu một số biện pháp nhằm khắc phục khó khăn trong việc phát triển ngành thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long:

- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .
- ... . . . .

## Bài 38. PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN - ĐẢO

1. Dựa vào nội dung SGK và Atlat Địa lí Việt Nam, em hãy điền vào chỗ chấm (...) của Lược đồ dưới đây tên các đảo: Phú Quốc, Côn Sơn, Phú Quý, Lý Sơn, Côn Cò, Bạch Long Vĩ, Cát Bà; tên vịnh Bắc Bộ; tên tỉnh, thành phố của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



Hình 19: Lược đồ Một số đảo và quần đảo Việt Nam

2. Đánh dấu x vào ô trống các ý em cho là đúng.

*Việt Nam là quốc gia ven biển vì:*

Có đường bờ biển dài 3260 km

Có vùng biển rộng (khoảng 1 triệu km<sup>2</sup>)

Có nhiều tỉnh, thành phố giáp biển

Thiên nhiên Việt Nam mang tính biển sâu sắc

3. Dựa vào nội dung SGK và kiến thức đã học, hãy điền tiếp nội dung phù hợp vào cho chàm (...) ở bảng sau:

Các ngành kinh tế biển	Tiềm năng	Sự phát triển	Những hạn chế	Phương hướng phát triển
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...

4. Hãy kể tên một số bãi biển nổi tiếng mà em biết:

#### Bài 39. PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN - ĐẢO (tiếp theo)

1. Hãy nêu rõ những loại hải sản, khoáng sản biển có giá trị của nước ta có đóng góp lớn trong việc xuất khẩu ra nước ngoài:

2. Em hãy cho một vài dẫn chứng về sự giảm sút tài nguyên biển và ô nhiễm môi trường biển - đảo:

3. Để phát triển tổng hợp kinh tế biển, bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững, theo em chúng ta cần phải làm gì:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Biển, đảo, quần đảo có vai trò, vị trí và tầm quan trọng như thế nào đối với an ninh, quốc phòng của nước ta. Cho ví dụ cụ thể.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

#### **Bài 40 THỰC HÀNH: ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐẢO VÀ TÌM HIỂU VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ**

1. Dựa vào nội dung ở bảng 40.1 trong SGK và kiến thức của bản thân, hãy hoàn thiện bảng dưới đây:

❖ Hướng dẫn cách làm:

- Trước hết, học sinh cần sưu tầm các tài liệu có liên quan đến hoạt động kinh tế của các đảo.
- Phân loại các hoạt động kinh tế theo từng lĩnh vực như: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch biển, các hoạt động kinh tế khác.
- Đánh dấu x vào cột tiềm năng kinh tế (nếu đảo đó có các hoạt động về các lĩnh vực nêu trên).
- Nêu rõ thế mạnh, cơ cấu kinh tế để làm rõ khả năng phát triển tổng hợp kinh tế ở các đảo.

Tên đảo	Thuộc tỉnh, thành phố	Tiềm năng kinh tế				Khả năng phát triển tổng hợp kinh tế
		Năng lượng dầu khí	Nguồn khai thác	Đô thị	Đô thị biển	
PHÚ QUÝ						
CÀT BÀ						
CÁI BẦU						
CÔN SƠN						
PHÚ QUỐC						

2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy rút ra các nhận xét:

- Sản xuất dầu mỏ của nước ta tập trung chủ yếu vào hoạt động nào:
- Vì sao nước ta lại phải nhập khẩu hết xăng dầu để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt:

3. Để ngành công nghiệp dầu khí phát triển và nâng cao giá trị kinh tế của ngành này nước ta cần phải làm gì:

## MỤC LỤC

<i>Bài</i>	<i>Trang</i>	<i>Bài</i>	
Ki hiệu chung	2	Bài 22. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người	30
Bài 1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	Bài 23. Vùng Bắc Trung Bộ	32
Bài 2. Dân số và già tăng dân số	4	Bài 24. Vùng Bắc Trung Bộ (tiếp theo)	33
Bài 3. Phân bố dân cư và các loại hình quản cư	5	Bài 25. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	35
Bài 4. Lao động và việc làm: Chất lượng cuộc sống	7	Bài 26. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (tiếp theo)	36
Bài 5. Thực hành: Phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và năm 1999	8	Bài 27. Thực hành: Kinh tế biển của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	38
Bài 6. Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam	9		
Bài 7. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bổ nông nghiệp	11	Bài 28. Vùng Tây Nguyên	40
		Bài 29. Vùng Tây Nguyên (tiếp theo)	41
Bài 8. Sự phát triển và phân bổ nông nghiệp	12	Bài 30. Thực hành: So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên	42
Bài 9. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp và thuỷ sản	13	Bài 31. Vùng Đông Nam Bộ	43
Bài 10. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây, sự tăng trưởng dân số, giá cả	15	Bài 32. Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo)	44
Bài 11. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bổ công nghiệp	16	Bài 33. Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo)	45
		Bài 34. Thực hành: Phân tích một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ	47
Bài 12. Sự phát triển và phân bố công nghiệp	17		
Bài 13. Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ	18	Bài 35. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	48
Bài 14. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	20	Bài 36. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tiếp theo)	49
Bài 15. Thương mại và du lịch	20	Bài 37. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất của ngành thuỷ sản ở đồng bằng sông Cửu Long	51
Bài 16. Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế	22		
Bài 17. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	23	Bài 38. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển - đảo	52
Bài 18. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tiếp theo)	24		
Bài 19. Thực hành: Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	25	Bài 39. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển - đảo (tiếp theo)	53
Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Hồng	27		
Bài 21. Vùng Đồng bằng sông Hồng (tiếp theo)	28	Bài 40. Thực hành: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ và tìm hiểu về ngành công nghiệp dầu khí	54

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

*Tổ chức ban thảo và chịu trách nhiệm nội dung*

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TÍNH  
Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN

*Biên tập*

CAO VĂN DŨNG, TRỊNH MINH HÙNG,  
NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG

*Trinh bày bìa*  
THÀNH NGỌC LINH

*Ché bản - Sửa bản in*

CAO VĂN DŨNG, TRỊNH MINH HÙNG,  
NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG

---

TẬP BẢN ĐỒ BÀI TẬP VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ 9  
Mã số ADC04b1 - CPB

In 30.000 cuốn. QĐ in số: 430/QĐ-GD. Kho 19 x 27 cm.

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng.

Số xuất bản : 07-2011/CXB/4-1991/GD.

Nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2011



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.  
Điện thoại: (04) 39711146 - 22425661; Fax: (04) 39718847



## TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM PHỤC VỤ LỚP 9 tới các thầy cô giáo và các em học sinh

### BẢN ĐỒ GIÁO KHOA

	Khuôn khổ (cm)
1. Bản đồ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng (địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế)	109 x 79
2. Bản đồ Vùng Bắc Trung Bộ (địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế)	79 x 109
3. Bản đồ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên (địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế)	79 x 109
4. Bản đồ Vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long (địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế)	109 x 79
5. Bản đồ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản Việt Nam	109 x 150
6. Bản đồ Công nghiệp Việt Nam	109 x 150
7. Bản đồ Giao thông và Du lịch Việt nam	109 x 150
8. Bản đồ Kinh tế chung Việt Nam	109 x 150
9. Bản đồ Dân cư Việt Nam	109 x 150
10. Bản đồ Khoáng sản Việt Nam	109 x 150
11. Bản đồ Việt Nam - Địa lý tự nhiên	109 x 150
12. Atlas địa lý Việt Nam	22.5 x 32.5
13. Bản đồ Hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (1911-1941)	101 x 71
14. Bản đồ Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô Viết Nghệ - Tĩnh	101 x 71
15. Bản đồ Cách mạng Tháng Tám 1945	71 x 101
16. Bản đồ Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tại Miền Thanh năm 1968	71 x 101
17. Bản đồ Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mi và tiếp tục xây dựng CNXH (1965 - 1968)	71 x 101
18. Bản đồ Miền Bắc tiếp tục xây dựng CNXH và chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mi (1969 - 1973)	71 x 101
19. Bản đồ Chính trị thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1989	101 x 140
20. Bản đồ Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu Phi và Mi Latinh	101 x 71
21. Bản đồ Chiến cuộc Đông xuân 1953 - 1954 (trống)	71 x 101
22. Bản đồ Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 (trống)	71 x 101
23. Bản đồ Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 (trống)	71 x 101
24. Bản đồ Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 (trống)	71 x 101
25. Bản đồ Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước trên thế giới (môn GD Công dân)	101 x 140
26. Bản đồ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (The United States of America) - môn tiếng Anh	79 x 109
27. Bản đồ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (The United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland) - môn tiếng Anh	79 x 109

Bạn đọc có thể mua sách, bản đồ, tranh ảnh tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Tại TP. Hà Nội : Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục, 45 Hàng Chuối - Hà Nội  
Website: [www.bandotranhangh.vn](http://www.bandotranhangh.vn)  
187 Giảng Võ; 232 Tây Sơn; 23 Tràng Tiền; 25 Hàn Thuyên; 32E Kim Mã  
14/3 Nguyễn Khánh Toàn
- Tại TP. Đà Nẵng : 78 Pasteur ; 247 Hải Phòng.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1; 2A Định Tiên Hoàng, Quận 1  
240 Trần Bình Trọng, Quận 5; 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5.
- Tại Cần Thơ : Số 5/5 đường 30/4.
- Tại Website bán hàng trực tuyến: [www.sach24.vn](http://www.sach24.vn)



81934994034760

Giá : 8,800 đồng